

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ THỊ HỒNG HẠNH

TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
(trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

VŨ THỊ HỒNG HẠNH

TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
(trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Trịnh Tiến Việt

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Vũ Thị Hồng Hạnh

MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
<i>Danh mục các biểu đồ</i>	
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</i>	8
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định tội môi giới mại dâm trong luật hình sự Việt Nam	8
1.1.1. Khái niệm tội môi giới mại dâm	8
1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định tội môi giới mại dâm trong luật hình sự Việt Nam	11
1.2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 cho đến nay về tội môi giới mại dâm	14
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985	14
1.2.2. Giai đoạn từ khi pháp điển hóa lần thứ nhất Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước năm 1999	17
1.2.3. Giai đoạn từ khi pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đến nay	22
1.3. Một số quy định liên quan đến tội môi giới mại dâm trong pháp luật hình sự quốc tế và pháp luật hình sự một số nước trên thế giới	25
1.3.1. Pháp luật hình sự quốc tế	25

1.3.2.	Pháp luật hình sự một số nước	27
Chương 2: TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ		31
VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TRÊN ĐỊA BÀN		
THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
2.1.	Tội môi giới mại dâm trong Bộ luật hình sự Việt Nam	31
2.1.1.	Các dấu hiệu pháp lý hình sự	31
2.1.2.	Hình phạt đối với tội môi giới mại dâm	42
2.2.	Thực tiễn xét xử tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội	52
2.2.1.	Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của thành phố Hà Nội	52
2.2.2.	Tình hình xét xử tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội	54
2.2.3.	Một số tồn tại, hạn chế trong thực tiễn xét xử tội môi giới mại dâm	68
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG		74
CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT		
HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM		
3.1.	Sự cần thiết hoàn thiện những quy định của Bộ luật hình sự về tội môi giới mại dâm	74
3.1.1.	Về phương diện lý luận	75
3.1.2.	Về phương diện thực tiễn	76
3.1.3.	Về phương diện lập pháp	76
3.2.	Hoàn thiện quy định của bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm	77
3.2.1.	Nhận xét chung	77
3.2.2.	Nội dung sửa đổi, bổ sung	77
3.3.	Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm	83

3.3.1.	Tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất áp dụng pháp luật	83
3.3.2.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hình sự nói chung và các quy định về tội môi giới mại dâm nói riêng	85
3.3.3.	Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và ý thức pháp luật, trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm	87
3.2.4.	Giải pháp tăng cường sự hợp tác quốc tế và trao đổi về kinh nghiệm lập pháp hình sự về tội môi giới mại dâm	88
	KẾT LUẬN	90
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Số vụ án và số bị cáo xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với các tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)	55
2.2	Số vụ án và số bị cáo xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với nhóm tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng và các tội phạm về mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)	56
2.3	Tình hình giải quyết đối với tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)	60
2.4	Kết quả xét xử tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009- 2013)	60
2.5	Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)	61
2.6	Tỷ lệ tái phạm tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009- 2013)	63
2.7	Độ tuổi của bị cáo phạm tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009- 2013)	64
3.1	Một số đề xuất về sửa đổi, bổ sung Điều 255 Bộ luật hình sự	81

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Số hiệu biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
2.1	So sánh số vụ án và số bị cáo xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với các tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)	55
2.2	So sánh số vụ án xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với nhóm tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng và các tội phạm về mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)	57
2.3	So sánh số bị cáo xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với nhóm tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng và các tội phạm về mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)	57
2.4	So sánh tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)	62
2.5	So sánh độ tuổi của bị cáo phạm tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009- 2013)	65

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện các mặt đời sống xã hội, chúng ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân, phát triển văn hóa...

Xã hội ngày càng phát triển, đời sống con người ngày càng được nâng cao. Khi những nhu cầu về vật chất đã được bảo đảm thì nhu cầu về mặt tinh thần lại nảy sinh. Xuất phát từ những nhu cầu đó mà các dịch vụ xã hội và các ngành giải trí xuất hiện ngày càng nhiều hơn, phát triển hơn, cùng với nó các tệ nạn xã hội (ma túy, cờ bạc, trộm cắp...) cũng không ngừng gia tăng. Mại dâm cũng là một tệ nạn xã hội điển hình trong số đó. Mại dâm là một hiện tượng xã hội - nó không phải là vấn đề mới nhưng cũng không bao giờ cũ đối với xã hội, đặc biệt là trong xã hội Việt Nam.

Tại Việt Nam, mại dâm là bất hợp pháp. Ngày 17/3/2003, Pháp lệnh Phòng chống mại dâm đã được công bố, quy định những biện pháp và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong việc loại trừ mại dâm. Ngày 10/5/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 679/QĐ-TTg phê duyệt chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011-2015. Điều này khẳng định quyết tâm của Chính phủ, đồng thời thể hiện tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác này trong bối cảnh dịch HIV/AIDS đang có nguy cơ lan rộng, đe dọa đến sự phát triển bền vững của các quốc gia trên toàn thế giới.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác phòng, chống mại dâm, nhưng tệ nạn này vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Hoạt động mại dâm kín đáo, tinh vi, tổ chức nhỏ nhưng diện rộng lan tất cả khu vực cả nước. Hoạt động của tội phạm mại dâm không chỉ xảy ra ở khu vực thành thị và các khu du lịch nghỉ mát mà còn xảy ra ở khu vực nông thôn và miền núi. Xuất hiện

một số đối tượng là người nước ngoài lợi dụng những kẽ hở về mặt quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ, hùn vốn lập thành các công ty, nhà hàng, khách sạn, karaoke, vũ trường... phục vụ cho người nước ngoài ở các khu chế xuất, khu công nghiệp nhưng thực chất là tổ chức mại dâm.

Theo số liệu báo cáo, thống kê năm 2013 của Cục phòng, chống tệ nạn xã hội, trong toàn quốc có khoảng 53.000 nữ nhân viên phục vụ tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ, trong đó có 3.500 cơ sở và 6.983 nữ nhân viên nghi hoạt động mại dâm, lập hồ sơ quản lý 2.285 đối tượng có biểu hiện chứa mại dâm, môi giới mại dâm và 2.065 gái bán dâm. Các phương thức hoạt động mại dâm rất đa dạng với nhiều hình thức biến tướng và sử dụng các thủ đoạn mới, tinh vi: Dễ thấy nhất là mại dâm "trá hình" lợi dụng các dịch vụ: nhà nghỉ, vũ trường, karaoke, cà phê, tắm quất, massage, mạng Internet... chỉ là bề nổi của tảng băng. Mại dâm còn núp dưới danh nghĩa sinh viên, học sinh. Lợi dụng sự ham chơi, đua đòi của một số học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và việc buông lỏng quản lý của gia đình, nhà trường, các đối tượng tội phạm đã dụ dỗ, lôi kéo thậm chí còn dùng cả thủ đoạn ép buộc các học sinh chưa đến tuổi thành niên bán dâm.

Trong thời gian 5 năm (2009 - 2013), Tòa án nhân dân cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đưa ra xét xử 24.040 vụ án các loại, trong đó có 371 vụ án phạm tội môi giới mại dâm [53], chiếm tỷ lệ 1,54%. Về tính chất mức độ phạm tội thì tỷ lệ phạm tội nghiêm trọng chiếm 58,7%, phạm tội rất nghiêm trọng chiếm 38,3%, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng chiếm 3% trên tổng số vụ án môi giới mại dâm đã đưa ra xét xử.

Ngoài ra, đất nước ta đang trong thời kỳ hội nhập với thế giới, vì vậy việc giải quyết vấn đề này không phải là điều dễ dàng. Sự du nhập của văn hóa phương Tây, việc tiếp cận Internet với những clip đồi trụy, khiêu dâm có những tác động không tốt đến tâm sinh lý của giới trẻ ngày nay, thêm vào đó là sự thay đổi về quan niệm sống, lý tưởng sống của thế hệ ngày nay khác

so trước, sự tha hóa về phẩm chất đạo đức, suy đồi về lối sống, nhân cách, sự ăn chơi đua đòi của một số tầng lớp người trong xã hội. Tất cả những điều đó vô hình chung đã tạo điều kiện cho tệ nạn xã hội phát triển, đặc biệt là nạn mại dâm. Mại dâm đã trở thành một vấn nạn xã hội - một căn bệnh khó chữa của xã hội.

Nhận thấy tình hình bức thiết hiện nay của nạn mại dâm, học viên quyết định lựa chọn đề tài ***"Tội môi giới mại dâm trong luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)"*** để nghiên cứu về tội môi giới mại dâm để từ đó có những biện pháp phòng, chống loại tội phạm này trên địa bàn thành phố Hà Nội, cũng như đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện Bộ luật hình sự Việt Nam về tội phạm này.

2. Tình hình nghiên cứu

Mại dâm luôn là vấn đề xã hội nóng bỏng, nhức nhối của mọi xã hội, mọi thời đại, mọi quốc gia trên thế giới. Những hậu quả của nó để lại vô cùng to lớn, ảnh hưởng xấu đến đời sống và an toàn trật tự xã hội, vi phạm pháp luật, đạo đức, phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, phá vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình, đe dọa tương lai giống nòi của dân tộc. Do đó, nghiên cứu về tệ nạn mại dâm nói chung và tội phạm môi giới mại dâm nói riêng đã và đang trở thành mối quan tâm của Đảng và Nhà nước cũng như nhiều các nhà khoa học, nhà báo, các tác giả trong nước, quốc tế... Cho đến nay cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học ở những mức độ khác nhau, cụ thể:

Trên thế giới, vấn đề mại dâm cũng đã được nghiên cứu bởi nữ giáo sư Lena Edulund (Đại học Columbis) và Evelyn Korn (Đại học Eberhard Karls) *"Một lý thuyết về mại dâm"* được đăng tải trên Tạp chí Journal of Political Economy năm 2002; Công trình nghiên cứu *"Tính kinh tế của tình dục và chặn gối tại Việt Nam"*, 2011, của tiến sĩ Kimberly Hoàng, tại Đại học UC Berkeley. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này chỉ nghiên cứu về vấn đề mại dâm dưới góc độ kinh tế. Theo hai nữ giáo sư Lena Edulund và

Evelyn Korn thì mại dâm là một ngành công nghiệp thu được mang lại lợi nhuận cao và là công việc thường xuyên của hàng triệu phụ nữ khắp nơi trên thế giới. Theo giáo sư xã hội học Berkeley Raka Ray, chủ tịch Ủy ban luận án, nghiên cứu của Kimberly Hoàng không những chỉ làm nổi bật là cấu trúc và cách hành nghề mại dâm ở Việt Nam mà còn giải thích mại dâm giữ vai trò quan trọng như tiền mặt trong nền kinh tế chính trị của Việt Nam.

Ở Việt Nam, đã có một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

Công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ của Tòa án nhân dân tối cao, 2001 "*Vai trò của Tòa án nhân dân trong việc đấu tranh phòng và chống các tội phạm về tình dục*" của tập thể tác giả là ThS. Nguyễn Quang Lộc, PGS.TS. Trần Văn Độ, TS. Từ Văn Nhũ và Nguyễn Văn Liên; Luận án tiến sĩ, có công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hoa, *Quản lý nhà nước về phòng và chống tệ nạn mại dâm ở Việt Nam hiện nay*, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2013.

Cấp độ luận văn thạc sĩ được thực hiện tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, có đề tài của tác giả Nguyễn Thị Thanh Hòa, *Tội mua dâm người chưa thành niên trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, 2012; đề tài "*Vấn đề mại dâm và cái nhìn của sinh viên ngành công tác xã hội*", của Nguyễn Thùy Giang, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2008; v.v...

Bên cạnh đó, về giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận có các công trình sau: GS.TSKH. Lê Cẩm (Chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003; ThS. Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần các tội phạm)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2000; GS.TS.Võ Khánh Vinh, *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001; "*Tệ nạn xã hội ở Việt Nam: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*" do TS. Lê Thế Tiệm và Phạm Thị Phả chủ biên, xuất bản tại Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1994; công trình nghiên cứu; "*Ma túy, mại dâm, cờ bạc - tội phạm thời hiện đại*" của tập thể tác

giả là GS.TS. Nguyễn Xuân Yêm, TS. Phan Đình Khánh, TS. Nguyễn Thị Kim Liên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003; tác giả Nguyễn Y Na của Viện Thông tin khoa học xã hội có nghiên cứu: *"Tệ nạn xã hội: căn nguyên, biểu hiện, phương thức khắc phục"*; Bài viết *"Giã từ ma túy, mại dâm"* của tác giả Việt Thực biên soạn; Bài viết *"Xác định tư cách tham gia tổ tụng của người chưa thành niên hoạt động mại dâm trong các tội chứa mại dâm, môi giới mại dâm"* của tác giả Thái Chí Bình trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 13, 7/2013; *"Nghiên cứu mại dâm và di biến động nhìn từ góc độ thế giới"* - Bộ Lao động Thương binh Xã hội, 2012; *"Pháp luật về phòng, chống mại dâm ở các nước trên thế giới"* của PGS.TS. Nguyễn Trung Tín, trên Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 3/2002; *"Tội chứa mại dâm, môi giới mại dâm: lý luận và thực tiễn"* của TS. Đỗ Đức Hồng Hà trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 5 /2013; v.v...

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khảo sát trên đây cho thấy, ở nước ta đã có một số công trình nghiên cứu cơ bản về tội phạm mại dâm. Tuy nhiên, đối với tội môi giới mại dâm nhìn một cách tổng quan có thể khẳng định chưa được khoa học luật hình sự Việt Nam quan tâm nghiên cứu đúng mức. Các công trình đó chỉ dừng ở một số bài viết phân tích nhóm tội phạm về mại dâm trong Bộ luật hình sự Việt Nam và chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu tội này trên một địa bàn cụ thể là thành phố Hà Nội. Đặc biệt, vấn đề mại dâm nói chung và tội phạm môi giới mại dâm nói riêng hiện nay đang là mối hiểm họa đối với con người, tệ nạn này có những ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh, trật tự, sự phát triển kinh tế - xã hội, cuộc sống bình yên của người dân, nó cũng ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, sức khỏe và sự tồn vong của giống nòi. Đấu tranh phòng, chống mại dâm là yêu cầu lâu dài, bền bỉ và đòi hỏi những nỗ lực cao của toàn xã hội. Như vậy, một lần nữa khẳng định việc nghiên cứu đề tài: ***"Tội môi giới mại dâm trong luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)"*** là đòi hỏi khách quan, cấp thiết vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn.

3. Mục đích nghiên cứu

Đề tài góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về tội môi giới mại dâm và đánh giá bức tranh về tình hình tội phạm này trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 5 năm (2009 - 2013). Trên cơ sở đó, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó - *Tội môi giới mại dâm trong luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)*.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu những vấn đề liên quan đến tội môi giới mại dâm dưới góc độ pháp lý hình sự và thực tiễn xét xử trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 5 năm (2009 - 2013).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về tội phạm và phòng ngừa tội phạm.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu, điều tra xã hội học... nhằm phân tích tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề cần nghiên cứu mà đề tài đặt ra.

6. Những điểm mới về mặt khoa học

Luận văn là công trình nghiên cứu đầu tiên ở cấp độ thạc sĩ luật học có hệ thống và tương đối toàn diện về những vấn đề liên quan đến tội môi giới

mại dâm dưới góc độ pháp lý hình sự. Kết quả của luận văn góp phần bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận về tội môi giới mại dâm trong khoa học luật hình sự Việt Nam.

Ngoài ra, trên cơ sở số liệu thực tế, luận văn đã đánh giá được tình hình xét xử tội môi giới mại dâm trên một địa bàn cụ thể là Hà Nội trong thời gian 5 năm (2009 - 2013), từ đó luận văn sẽ đưa ra kiến nghị hoàn thiện hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về tội môi giới mại dâm trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Tội môi giới mại dâm trong Bộ luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm.

Chương 1
**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

**1.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC QUY ĐỊNH TỘI MÔI GIỚI
MẠI DÂM TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

1.1.1. Khái niệm tội môi giới mại dâm

Tội phạm là một hiện tượng tiêu cực nhất trong xã hội. Tội phạm luôn chứa đựng trong nó đặc tính chống đối lại Nhà nước, chống đối lại xã hội, đi ngược lại lợi ích chung của cộng đồng, trật tự xã hội, xâm phạm đến quyền tự do và các lợi ích hợp pháp của con người... Nghiên cứu về tội phạm là vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của luật hình sự Việt Nam.

Việc xác định tội phạm trong luật hình sự là cơ sở để quy định hình phạt nhưng việc quy định hình phạt xét cho cùng cũng là một phần của việc xác định tội phạm...Khái niệm tội phạm là cơ sở để xây dựng các cấu thành tội phạm cụ thể với ý nghĩa là mô hình pháp lý của từng loại tội phạm và qua đó cũng là cơ sở để quy định hình phạt tương ứng [25].

Tại khoản 1 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999 có quy định về khái niệm tội phạm như sau:

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa [47].

Tội phạm nói chung và tội môi giới mại dâm nói riêng là một hiện tượng tiêu cực ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Mỗi quốc gia để bảo vệ cho các giá trị văn hóa, nếp sống văn minh, thuần phong mỹ tục của dân tộc đều đưa ra những chính sách, pháp luật để quản lý, nhằm giảm thiểu tới mức tối đa tác hại của tệ nạn xã hội. Hành vi môi giới mại dâm xâm phạm đến thuần phong, mỹ tục của dân tộc, các giá trị đạo đức xã hội mà từ xưa đến nay nhân dân ta đều lên án. Ngoài ra, hành vi môi giới mại dâm còn gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, lan truyền những loại bệnh xã hội, đặc biệt là lây truyền HIV/AIDS, ảnh hưởng đến tương lai, nòi giống của dân tộc, cản trở công cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, tạo điều kiện cho tệ nạn mại dâm và các loại tệ nạn xã hội khác phát triển, tội phạm hình sự gia tăng, đồng thời nó ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình... do vậy, trật tự an toàn xã hội không được bảo đảm. Để xác định chính sách hình sự và yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm này, việc tìm hiểu khái niệm tội môi giới mại dâm là rất cần thiết.

Tội môi giới mại dâm là tội phạm đã được quy định tại Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1985 cùng với tội chứa mại dâm. Tuy nhiên, do yêu cầu của việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và đấu tranh phòng, chống độc lập và đồng bộ cả hai hành vi phạm tội nên Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hai tội này ở hai điều luật khác nhau.

Tại Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định tội môi giới mại dâm như sau:

1. Người nào dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:
 - a. Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
 - b. Có tổ chức;

- c. Có tính chất chuyên nghiệp;
- d. Phạm tội nhiều lần;
- đ. Tái phạm nguy hiểm;
- e. Đối với nhiều người;
- g. Gây hậu quả nghiêm trọng khác.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a. Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- b. Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm.

5. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng [47].

Như vậy, theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 thì *tội môi giới mại dâm là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm*. Trong khi đó, theo Điều 3 Pháp lệnh phòng, chống mại dâm ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: "Môi giới mại dâm là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt của người làm trung gian để các bên thực hiện việc mua, bán dâm" [67].

Bên cạnh đó dưới góc độ khoa học luật hình sự, hiện nay ở Việt Nam còn có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm tội môi giới mại dâm.

Quan điểm thứ nhất cho rằng: "Tội môi giới mại dâm là hành vi làm trung gian bằng cách dụ dỗ hoặc dẫn dắt cho hoạt động mại dâm giữa người mua dâm và người bán dâm" [74].

Quan điểm thứ hai cho rằng: "Tội môi giới mại dâm là hành vi dụ dỗ, dẫn dắt, làm trung gian cho người mua dâm và người bán dâm gặp nhau để mại dâm" [3].

Quan điểm thứ ba cho rằng: "Tội môi giới mại dâm là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt mại dâm" [3].

Như vậy, mặc dù còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm môi giới mại dâm nhưng nhìn chung các quan điểm trên mới chỉ thể hiện được mặt khách quan của tội môi giới mại dâm mà chưa thể hiện đầy đủ các dấu hiệu về khách thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm hay chủ thể của tội phạm. Tuy nhiên, các quan điểm trên có những điểm chung đó là: môi giới mại dâm đều là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt mại dâm.

Do đó, trên cơ sở khái niệm tội phạm được quy định tại Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999 và tổng hợp các quan điểm khoa học khác nhau, theo chúng tôi, có thể đưa ra khái niệm về tội phạm đang nghiên cứu như sau: *Tội môi giới mại dâm là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt của người làm trung gian để các bên thực hiện việc mua dâm, bán dâm, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự cố ý thực hiện, xâm phạm đến trật tự công cộng.*

1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định tội môi giới mại dâm trong luật hình sự Việt Nam

Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội bao gồm những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội có tính phổ biến (từ các vi phạm những nguyên tắc về lối sống, truyền thống văn hóa, đạo đức xã hội, trái với các thuần phong mỹ tục, các giá trị xã hội cho đến vi phạm các quy tắc đã được thể chế hóa bằng pháp luật) gây ảnh hưởng xấu về đạo đức, truyền thống văn hóa và những hậu quả nghiêm trọng trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của nhân dân [63].

Tệ nạn xã hội là một hiện tượng xã hội tồn tại khách quan trong đời sống xã hội, nó phát sinh phát triển gắn với những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, có loại tệ nạn xã hội nảy sinh ra trong xã hội này, có loại tệ nạn xã hội khác nảy sinh trong một xã hội khác. Ngược lại, có tệ nạn xã hội tồn tại trong tất cả các xã hội. Chính môi trường kinh tế đã làm nảy sinh ra các tệ nạn xã hội và cũng chính sự thay đổi môi trường kinh tế xã hội sẽ tác động trực

tiếp làm tăng lên hay giảm đi các tệ nạn xã hội. Ngoài ra, tệ nạn xã hội cũng một phần tùy thuộc vào số lượng các hành vi bị Nhà nước coi là biểu hiện của các tệ nạn xã hội.

Ở Việt Nam, kể từ khi Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần VI đến nay đất nước ta đang trong quá trình đổi mới, đời sống chính trị, kinh tế xã hội có nhiều khởi sắc với những biến đổi quan trọng. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi cơ chế bên cạnh những mặt mạnh, mặt tích cực của kinh tế thị trường đã tạo cho nền kinh tế phát triển đa dạng năng động thì đồng thời cũng bộc lộ những tồn tại và nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, xu hướng thực dụng, quá coi trọng đồng tiền trong xã hội. Thực chất ở đây là quan niệm và đánh giá sai lầm về lợi ích, nhằm đạt lợi ích và đồng tiền bằng mọi phương tiện. Đó là những điều kiện làm cho tệ nạn xã hội phát triển.

Cùng với các tệ nạn xã hội khác như cờ bạc, ma túy thì mại dâm là một hiện tượng nhức nhối của đời sống xã hội. Mại dâm xuất hiện rất sớm trong lịch sử xã hội loài người và không phải là một hiện tượng riêng lẻ chỉ có ở đất nước này hay quốc gia khác, hoặc chỉ có ở chế độ này hay chế độ khác... mà nó là hiện tượng phổ biến của nhiều nước trên thế giới. Tệ nạn mại dâm diễn ra ở hầu hết các châu lục, từ những nước văn minh cho đến những nước lạc hậu. Nó làm cho cả thế giới loài người hoang mang, lo sợ vì những ảnh hưởng to lớn của nó.

- *Về sức khỏe*: Hoạt động mại dâm thường dẫn đến suy kiệt về sức khỏe của đối tượng, 100% gái mại dâm bị bệnh xã hội như giang mai, lậu, các bệnh viêm nhiễm đường tình dục... dẫn đến ảnh hưởng tới sự phát triển giống nòi do bị bệnh tật, ảnh hưởng đến thế hệ tương lai, và hơn nữa mại dâm gắn liền với nhiễm HIV là con đường nhanh nhất, dễ nhất dẫn đến AIDS - một căn bệnh thế kỷ đang trở thành đại dịch, hủy hoại sự sống của mỗi con người, của cả nhân loại, gây nên nhiều hậu quả khôn lường khác ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của giống nòi.

- *Về kinh tế*: Đa phần những con người đi vào con đường mại dâm, đầu tiên là lười lao động, làm ít chơi nhiều, kinh tế gia đình ngày càng suy kiệt. Làm ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế đất nước, tệ nạn mại dâm làm ảnh hưởng lớn đến nguồn lao động, nguồn lực tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

Tệ nạn mại dâm gây ra thiệt hại về kinh tế cho việc chi phí về chăm lo cho họ bằng nhiều cách như khám chữa bệnh, phục hồi, dạy nghề, tạo công ăn việc làm, cứu trợ những nạn nhân mắc bệnh AIDS... chi phí cho các hoạt động khác như tuyên truyền phòng, chống tệ nạn này... Tệ nạn mại dâm làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư của các dự án đầu tư trong và ngoài nước.

- *Về xã hội*: Mại dâm làm phương hại đến đạo đức, lối sống, gây xói mòn thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hóa, làm tha hóa một bộ phận dân cư và một số cán bộ, đảng viên, viên chức Nhà nước. Con người đã sa vào tệ nạn mại dâm, với tinh thần bệnh hoạn, thích ăn chơi trụy lạc, trước hết đời sống gia đình lục đục, con cái mất cha mẹ, vợ lìa chồng, tan vỡ hạnh phúc...

Mại dâm làm mất an toàn xã hội vì có liên quan đến những hành vi vi phạm pháp luật và là điều kiện làm nảy sinh các sai phạm khác; đồng hành với mại dâm là nghiện hút, cờ bạc, tội phạm hình sự, trộm cắp, bạo hành, ảnh hưởng nặng nề đến an toàn xã hội. Mại dâm là bạn đồng hành với tội phạm và là hình bóng của AIDS. Bởi vậy, việc ngăn chặn, bài trừ tệ nạn mại dâm đã và đang trở thành một trong những ưu tiên hàng đầu không chỉ của riêng Đảng và Nhà nước ta mà còn là của toàn xã hội, của tất cả mọi người.

Đứng trước thực trạng đó, Đảng và Nhà nước ta, đã có nhiều chủ trương chính sách nhằm tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn mại dâm, tiến tới đẩy lùi tệ nạn này ra khỏi đời sống xã hội. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985, Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đã có quy định về tội môi giới mại dâm đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng nhằm góp phần đấu tranh phòng ngừa có hiệu quả tội phạm này.

1.2. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945 CHO ĐẾN NAY VỀ TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM

1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ra đời. Ngày sau những ngày đầu mới thành lập, nhà nước ta vừa phải đối phó với thù trong giặc ngoài, vừa phải từng bước tổ chức xây dựng một xã hội mới. Là một nhà nước còn non trẻ, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa phải đương đầu với nạn đói nạn dốt và họa ngoại xâm, đồng thời phải tiếp nhận và giải quyết những tệ nạn xã hội như; rượu chè, cờ bạc, nghiện hút và mại dâm. Bên cạnh mục tiêu hàng đầu là diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm; Đảng và nhà nước ta đã chú trọng tới việc bài trừ các tệ nạn xã hội(trong đó có tệ nạn mại dâm) góp phần cải tạo, ổn định an ninh, trật tự xã hội. Tuy nhiên, ở thời kỳ này, tệ nạn mại dâm phát triển chưa mạnh, chưa phổ biến, chiếm tỷ lệ thấp trong các loại tệ nạn xã hội, do vậy Nhà nước chỉ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, giáo dục cải tạo đối với những đối tượng sa ngã để giúp họ hoàn lương. Rất nhiều gái điếm và những phần tử lưu manh khác đã được cải tạo để trở thành người lương thiện. Chính vì vậy mà trong suốt thời kỳ 1945-1954 Nhà nước ta chưa có văn bản pháp luật nào quy định trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về mại dâm nói chung và tội môi giới mại dâm nói riêng.

Sau Chiến thắng Điện Biên phủ, Hiệp định Giơnevơ được ký kết (tháng 7/1954), đất nước ta tạm thời chia cắt làm hai miền Nam- Bắc với hai chế độ chính trị khác nhau: Miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng xã hội mới, tiếp tục chi viện cho miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng thống nhất nước nhà. Để bảo đảm thuần phong mỹ tục của dân tộc và trật tự xã hội nói chung, Nhà nước ta đã có những quy định cụ thể về đấu tranh và bài trừ tệ nạn mại dâm. Điển hình là các văn bản sau:

- Nghị quyết số 49-TVQH ngày 20/06/1961 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tập trung giáo dục cải tạo những phần tử có nguy hại cho xã hội.

- Thông tư số 121/CP ngày 09/8/1961 của Hội đồng Chính phủ hướng dẫn cụ thể việc thi hành 49-TVQH ngày 20/06/1961, có nêu rõ các đối tượng cần tập trung cải tạo ở Phần II- điểm 2 như sau: Những phần tử lưu manh chuyên nghiệp thuộc diện tập trung cải tạo tại Điều 1, có ghi: "Những đối tượng sau đây cũng bị coi là phần tử lưu manh chuyên nghiệp cần phải đưa đi tập trung cải tạo: Những gái điếm chuyên nghiệp đã nhiều lần bị đưa đi giáo dục, cải tạo mà không chịu sửa chữa, trốn trại nhiều lần để ra làm nghề cũ" [54].

Vấn đề đấu tranh với tình trạng mại dâm chuyên nghiệp còn được đề cập trong Nghị quyết số 129/CP ngày 08/8/1964 của Hội đồng Chính phủ về công tác bảo vệ trật tự an ninh nêu rõ: "Vấn đề bảo vệ trật tự an ninh xã hội thời chiến, kiên quyết tập trung cải tạo hết những tên lưu manh chuyên nghiệp và gái điếm chuyên nghiệp" [29].

Qua các văn này chúng ta nhận thấy việc phân hóa đối tượng của tệ nạn mại dâm và các tổ chức mại dâm, đưa các đối tượng này đi tập trung cải tạo đã được nhà nước xử lý. Mặc dù vậy đây chỉ là những biện pháp hành chính, nhưng rất kịp thời và đúng đắn góp phần bài trừ tệ nạn mại dâm trong đời sống xã hội.

Sau thắng lợi mùa xuân năm 1975, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối; cả nước bước vào một kỷ nguyên mới: Xây dựng lại đất nước sau 30 năm ngăn cách bởi chiến tranh. Chế độ Mỹ - Ngụy bị lật đổ, để lại những tàn dư của lối sống đồi trụy và thực dụng rất nặng nề mà chúng ta phải giải quyết, trong đó có tệ nạn mại dâm với gần 200.000 gái điếm. Trước tình hình đó, để đảm bảo an ninh và trật tự xã hội, xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa và xuất phát từ tình hình thực tế, việc xử lý về hành chính và phát động dư luận xã hội lên án đối với những người hành nghề mại dâm, những kẻ chứa chấp, môi giới và tổ chức mại dâm là cần thiết, nhưng chưa đủ. Vì

vậy, Nhà nước cần phải quy định trong một số văn bản pháp luật hình sự về việc trừng trị đối với những kẻ hoạt động mại dâm.

Ngày 15/3/1976, Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành Sắc luật số 03-SL, trong đó có nội dung quy định về tội tổ chức mại dâm. Đây là văn bản pháp luật hình sự đầu tiên quy định về hoạt động mại dâm, qua đó tạo cơ sở pháp lý để đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội nói chung, tội phạm về mại dâm nói riêng.

Tại Điều 9 (về các tội xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe nhân dân), Sắc luật số 03-SL quy định:

Phạm một trong các tội sau đây:

- ...

- Cờ bạc, tổ chức mại dâm, buôn bán tàng trữ ma túy và các chất độc hại khác thì bị phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm.

Trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù tới 15 năm.

Trong mọi trường hợp có thể bị phạt tiền đến 1000 đồng ngân hàng [55].

Ngay sau đó, tháng 4/1976 Bộ Tư pháp - Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra Thông tư số 03/TT/BTP hướng dẫn thi hành Sắc luật số 03-SL ngày 15/3/1976. Thông tư số 03/TT/BTP còn quy định hình phạt bổ sung có thể áp dụng đối với bị cáo: "Tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, kẻ phạm tội có tính chất chuyên nghiệp còn bị quản chế hoặc cấm lưu trú ở một số địa phương từ một đến năm năm sau khi mãn hạn tù" [55].

Để áp dụng thống nhất pháp luật, ngày 06/7/1977, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Chỉ thị số 54/TATC hướng dẫn việc thi hành thống nhất trong cả nước, quy định: "Các tòa án thuộc các tỉnh, thành phố phía Bắc cũng có thể áp dụng thống nhất điều khoản này- Điều 9 Sắc lệnh 03-SL, vì đối với một số tội nói trên thì Tòa án phía Bắc cho đến nay chỉ căn cứ vào án lệ, vào đường lối chính sách chung để xử lý" [55].

Như vậy, với việc ban hành Sắc luật số 03-SL ngày 15/3/1976 và Thông tư số 03/TT/BTP, tệ nạn mại dâm đã được quy định là tội phạm dưới tên gọi cụ thể là "tội tổ chức mại dâm". Khách thể bị loại tội phạm này xâm hại đã được xác định đó là trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe nhân dân. Các hình phạt (bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung) đã được quy định một cách cụ thể; bước đầu có sự phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng loại tội phạm. Tuy nhiên, những quy định này còn đơn giản: Các quy định vẫn còn chung chung, chỉ mới quy định thành một nhóm tội mà chưa có quy định thành một tội danh độc lập. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm chưa được quy định trong văn bản pháp luật dẫn đến chưa đáp ứng được yêu cầu phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng tội phạm cụ thể.

Tóm lại, để góp phần bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, không ngừng tăng cường đấu tranh với tội phạm nói chung và tội phạm về mại dâm nói riêng đòi hỏi Nhà nước ta phải xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, thống nhất để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

1.2.2. Giai đoạn từ khi pháp điển hóa lần thứ nhất Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước năm 1999

Như vậy, có thể nói, trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985, Sắc luật số 03-SL ngày 15/3/1976 (trước đó) được ban hành đã đóng góp vai trò rất quan trọng trong công tác đấu tranh với tội phạm nói chung và đấu tranh bài trừ tệ nạn mại dâm nói riêng.

Tuy nhiên, hành vi tổ chức mại dâm ngày càng có xu hướng gia tăng, tính nguy hiểm cho xã hội ngày càng lớn đòi hỏi cần phải có quy định cụ thể thành một tội phạm riêng trong một điều luật tại Bộ luật hình sự. Hơn nữa, xuất phát từ thực tế là cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, để bảo đảm cho sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi chúng ta phải xây dựng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, làm cơ sở pháp lý cho việc phát

triển kinh tế - văn hóa - xã hội và là phương tiện, công cụ để Nhà nước quản lý xã hội trong tình hình và điều kiện mới, đặc biệt là pháp luật hình sự. Vì vậy, sau một thời gian dài nghiên cứu và soạn thảo, Bộ luật hình sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27/6/1985 và có hiệu lực trong cả nước từ ngày 01/01/1986 với 280 điều. Tại Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1985 hành vi môi giới mại dâm và chứa mại dâm được quy định là tội phạm với tội danh "Tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm". Trong giai đoạn này, thuật ngữ "mại" được phiên âm từ gốc tiếng Hán có nghĩa là mua và cũng như từ điển Tiếng Việt thì "mại" là một cách liên tục, như không muốn dừng, không muốn dứt.

Điều 202. "Tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm" quy định:

1. Người nào chứa mại dâm, dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ 6 tháng đến năm năm.

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng hoặc tái phạm nguy hiểm thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm [46].

Ngoài ra, Điều 218 Bộ luật hình sự năm 1985 đã quy định hình phạt bổ sung áp dụng cho hai tội chứa mại dâm và môi giới mại dâm như sau:

...

3. Người nào phạm một trong các tội quy định tại Điều từ 119 đến Điều 203 thì có thể bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.

4. Người nào phạm một trong các tội quy định tại Điều từ 119 đến Điều 203 thì bị phạt tiền từ 50.000 đồng đến 2.500.000 đồng và có thể bị tịch thu một phần tài sản [46].

Với việc quy định hành vi môi giới mại dâm tại một điều luật riêng biệt quy định về tội phạm, độc lập với các tội phạm khác trong nhóm "Các tội xâm phạm trật tự công cộng" đã thể hiện một bước tiến trong việc nhìn nhận, đánh giá của các nhà làm luật đối với tính chất và mức độ nguy hiểm do tệ nạn mại

dâm nói chung và hành vi môi giới mại dâm nói riêng. Tuy các dấu hiệu đặc trưng của tội môi giới mại dâm đã được đề cập đến trong điều luật nhưng hành vi môi giới mại dâm vẫn chưa được quy định thành một tội danh độc lập mà được quy định chung cùng với "tội chứa mại dâm" trong cùng một Điều luật.

Song song với quy định của Bộ luật hình sự, nhiều văn bản pháp luật khác cũng đã được ban hành nhằm xác định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chức năng trong công tác đấu tranh, bài trừ các tệ nạn xã hội mà đặc biệt là tệ nạn mại dâm. Điển hình là các văn bản sau:

- Chỉ thị số 14-CT ngày 16/01/1986 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng *"Về các biện pháp giải quyết các vấn đề cứu tế xã hội và tệ nạn xã hội"* trong đó yêu cầu lập hồ sơ đưa ra truy tố hoặc tập trung cải tạo đối với bọn chủ chứa mại dâm hoặc bọn chuyên môi giới mại dâm.

- Chỉ thị số 135-HĐBT ngày 14/5/1989 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng *"Về giải quyết vấn đề xã hội trong tình hình mới"* đã nhấn mạnh: "Đối với số gái mại dâm, cần có biện pháp quản lý chặt chẽ ngay ở cơ sở, Ủy ban nhân dân các cấp phải phân loại, có kế hoạch đưa đi chữa bệnh, tổ chức các trường, trại phục hồi nhân phẩm do ngành lao động quản lý, có sự tham gia của các cơ quan thanh niên, phụ nữ, y tế" [30].

Mặc dù các cơ quan chức năng đã tập trung nhằm đấu tranh phòng ngừa và ngăn chặn nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, tệ nạn mại dâm vẫn lan rộng và ngày càng nghiêm trọng, trở thành một vấn đề nhức nhối của xã hội. Trước tình hình đó Chính phủ đã ra Nghị quyết số 05/CP ngày 29/01/1993 *"Về ngăn chặn và phòng, chống tệ nạn mại dâm"* đề ra những chủ trương biện pháp cũng như trách nhiệm của các cấp, các ngành trong cuộc đấu tranh phòng, chống tệ nạn mại dâm. Cụ thể, đối với các đối tượng chủ chứa, môi giới mại dâm phải:

Xử phạt thật nghiêm người chứa chấp, dụ dỗ, dẫn dắt gái mại dâm dưới mọi hình thức, ở mọi nơi như khách sạn, nhà nghỉ, nhà

hàng, vũ trường.... theo luật hình sự. Nếu là cơ sở tư nhân hoặc các hình thức khác ngoài quốc doanh phải thu hồi giấy phép kinh doanh và truy tố người chủ theo luật hình sự. Nếu là cơ sở quốc doanh thì người trực tiếp quản lý cơ sở cũng phải bị truy tố truy tố theo luật hình sự, cấp trên trực tiếp phụ trách bị kỷ luật hành chính [8].

- Để cụ thể hóa hơn nữa việc xử lý hành chính các hành vi vi phạm trong cuộc đấu tranh chống các tệ nạn xã hội nói chung, tệ nạn mại dâm nói riêng; ngày 28/6/1994, Chính phủ đã ban hành Nghị định 53/CP *"Về phòng chống các tệ nạn xã hội"* đã quy định các biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với các hành vi mua, bán, chứa chấp, môi giới mại dâm, nghiện hút, cờ bạc, rượu chè bê tha... Bên cạnh đó, Nghị định 53/CP của Chính phủ còn quy định rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc quản lý giáo dục cán bộ, viên chức nhà nước cũng như nhân dân địa phương do mình quản lý và trách nhiệm quản lý của các cơ sở kinh doanh có liên quan tới các hành vi mua bán dâm như khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, vũ trường... Nếu các cơ sở đó để cho các tệ nạn xã hội phát sinh thì tùy từng trường hợp mà xử lý hành chính, phạt tiền và truy tố trước pháp luật.

Ngày 15/8/1996, Chính phủ đã ban hành Nghị định 49/CP quy định về xử phạt hành chính đối với các hành vi mại dâm, tại Điều 23 như sau:

...

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Dẫn dắt hoạt động mại dâm

b) Che giấu, bảo vệ cho các hành vi mua dâm, bán dâm [9].

- Trong lĩnh vực xử lý hình sự đối với các tội phạm môi giới mại dâm, Tòa án nhân dân tối cao trong các báo cáo tổng kết của ngành hoặc các nghị quyết của Hội đồng thẩm phán đều nêu rõ đường lối xét xử đối với các loại tội phạm có liên quan tới tệ nạn mại dâm nhằm hướng dẫn Tòa án nhân dân các

cấp trong công tác xét xử. Điển hình là các văn bản như: Chỉ thị số 136/NCPL ngày 11/03/1993 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về phòng, chống và kiểm soát ma túy và chống tệ nạn mại dâm; Chỉ thị số 30/VP ngày 22/01/1994; Chỉ thị số 344/VP ngày 26/5/1994. Các văn bản này đã nêu rõ tình hình xử lý của Tòa án nhân dân các cấp, đề ra phương hướng xét xử theo đúng các quy định của pháp luật hình sự, cũng như các văn bản pháp luật có liên quan.

Từ khi ban hành cho đến khi hết hiệu lực, Bộ luật hình sự năm 1985 đã trải qua bốn lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, năm 1991, năm 1992, năm 1997. Trong đó, tội môi giới mại dâm cũng từng bước được hoàn thiện với nhiều bổ sung quan trọng:

1. Người nào chứa mại dâm, dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:
 - a. Cưỡng bức mại dâm;
 - b. Phạm tội nhiều lần;
 - c. Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
 - d. Gây hậu quả nghiêm trọng;
 - đ. Tái phạm nguy hiểm.
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm:
 - a. Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
 - b. Có nhiều tình tiết quy định tại khoản 2 điều này;
 - c. Gây hậu quả rất nghiêm trọng.
4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai mươi năm hoặc tù chung thân:
 - a. Có nhiều tình tiết quy định tại khoản 3;
 - b. Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng [46].

Như vậy, sau quá trình được sửa đổi, bổ sung, Điều 202 Bộ luật hình sự 1985 đã có thêm những đóng góp quan trọng; đó là:

- Tăng nặng và quy định cụ thể các khung hình phạt.
- Chia nhỏ các trường hợp phạm tội để phân hóa trách nhiệm hình sự.
- Bổ sung một số tình tiết tăng nặng định khung.

Qua các lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 1985 đã khá hoàn thiện, khoa học, góp phần không nhỏ trong công tác xét xử, đấu tranh phòng chống mại dâm, bảo vệ đạo đức, thuần phong mỹ tục và trật tự xã hội.

1.2.3. Giai đoạn từ khi pháp điển hóa lần thứ hai - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đến nay

Để đáp ứng đòi hỏi của thời kỳ mới, cũng như giảm thiểu những bất cập trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1985, ngày 21/12/1999 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ luật hình sự năm 1999, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2000. So với Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung toàn diện, thể hiện chính sách hình sự mới của nhà nước ta với tội phạm nói chung và với tội môi giới mại dâm nói riêng. Tội môi giới mại dâm được quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 khoa học, chính xác và đầy đủ hơn, đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xét xử đối với loại tội phạm nguy hiểm này.

Điều 255. Tội môi giới mại dâm, quy định:

1. Người nào dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:
 - a. Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
 - b. Có tổ chức;
 - c. Có tính chất chuyên nghiệp;
 - d. Phạm tội nhiều lần;

- đ. Tái phạm nguy hiểm;
- e. Đối với nhiều người;
- g. Gây hậu quả nghiêm trọng khác.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a. Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- b. Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm.

5. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng [47].

Như vậy, Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định cụ thể về tội môi giới mại dâm với 5 khoản. Các điều khoản được sắp xếp một cách khoa học, cụ thể với khoản 1 là cấu thành tội phạm cơ bản, các khoản tiếp theo là cấu thành tội phạm tăng nặng với các tình tiết tăng nặng định khung có mức độ tăng dần, khoản 5 quy định về hình phạt bổ sung. So với Bộ luật hình sự năm 1985, quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội môi giới mại dâm đã có sửa đổi, bổ sung quan trọng, đáng chú ý:

- *Về kỹ thuật lập pháp*: Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định tội môi giới mại dâm là một tội danh độc lập; việc quy này của pháp luật đã thể hiện được bản chất của tội môi giới mại dâm. Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định về tội môi giới mại dâm với một cấu thành tội phạm cơ bản và cấu thành tội phạm tăng nặng, cùng với đó là một khoản riêng biệt quy định về hình phạt bổ sung. Việc quy định như vậy là hợp lý, đã góp phần phân hóa trách nhiệm hình sự và áp dụng các hình phạt được chính xác hơn.

- *Về chính sách*: Bộ luật hình sự năm 1999 đã có thêm quy định bổ sung các tình tiết định khung tăng nặng. Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 bổ sung thêm trường hợp phạm tội "*có tổ chức*" và "*có tính chất chuyên nghiệp*" là yếu tố định khung hình phạt quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 của

Điều luật. Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 bỏ trường hợp phạm tội "cưỡng bức mại dâm", "có nhiều tình tiết quy định tại khoản 2 điều này", "có nhiều tình tiết quy định tại khoản 3 điều này" là yếu tố định khung hình phạt. Ngoài ra, mức thấp nhất, cao nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 giảm xuống, khoản 2, khoản 3, khoản 4 của điều luật giảm xuống; đặc biệt mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm này là hai mươi năm tù (so với Bộ luật hình sự năm 1985 là tù chung thân).

- Để góp phần bảo vệ truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, danh dự nhân phẩm của con người, hạnh phúc của gia đình, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ sức khỏe của nhân dân, xây dựng và phát triển con người Việt Nam, ngày 14/3/2003, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH về Phòng, chống mại dâm; trong đó quy định những biện pháp phòng, chống mại dâm, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong phòng, chống mại dâm. Theo đó, môi giới mại dâm thuộc một trong các hành vi bị nghiêm cấm (khoản 6 Điều 4 của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm); các đối tượng vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định tại Chương III của Pháp lệnh.

Để cụ thể hóa hơn nữa việc thi hành Pháp lệnh, ngày 15/10/2003 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 178/NĐ-CP nhằm quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm.

Như vậy, từ những phân tích trên thấy rằng tệ nạn mại dâm nói chung và môi giới mại dâm nói riêng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây tác động tiêu cực tới mọi mặt của đời sống xã hội. Ngay sau khi giành được độc lập, Nhà nước ta luôn quan tâm, chú trọng bài trừ các tệ nạn xã hội, trong đó có môi giới mại dâm. Qua từng giai đoạn, pháp luật hình sự của nước ta về tội môi giới mại dâm thường xuyên được chỉnh sửa theo hướng cụ thể hóa, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này. Những quy định của bộ luật hiện hành là sự kế thừa những quy

định của pháp luật hình sự Việt Nam từ các giai đoạn trước đó, được hoàn thiện dần về kỹ thuật lập pháp đã phản ánh chính sách hình sự của nhà nước về tội phạm môi giới mại dâm trong giai đoạn hiện nay... Với các quy định mang tính chất kỹ thuật, pháp điển hóa cao đã phần nào đáp ứng được nhu cầu khoa học cũng như thực tiễn phát triển của đất nước. Cùng với các văn bản pháp luật khác, Bộ luật hình sự năm 1999 là công cụ quan trọng trong công tác đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tội phạm nói chung cũng như tội phạm môi giới mại dâm nói riêng. Bộ luật hình sự năm 1999 đã và sẽ góp phần to lớn vào việc bảo vệ trật tự xã hội, gìn giữ các giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền, giáo dục phòng ngừa và xử lý người phạm tội của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1.3. MỘT SỐ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

1.3.1. Pháp luật hình sự quốc tế

Mại dâm là một tệ nạn xã hội có nguồn gốc lâu đời, tồn tại và phát triển ở khắp mọi nơi trên thế giới. "Mại dâm có thể bắt nguồn từ hành dâm với mục đích hiến tế hoặc tôn giáo trong thời kỳ cổ ở nhiều nước... Đến thế kỷ thứ VII trước công nguyên ở Hy Lạp đã phát triển nghề mại dâm công cộng" [39]. Ph. Ăngghen cũng chỉ rõ:

Lúc đầu hiến thân là một hành vi tôn giáo diễn ra trong đền Nữ thần ái tình và lúc đầu số tiền thu được đều phải hỗ trợ vào quỹ của đền. Những nữ tỳ trong đền thờ ANATIS ở Acmoni, trong đền APHROPITE ở Cananthe cũng như những vũ nữ tôn giáo trong các đền thờ Ấn Độ... đều là những người mại dâm đầu tiên [37].

Như vậy, có thể khẳng định hoạt động mại dâm đã có ngay từ giai đoạn đầu của chế độ tư hữu.

Trong việc ngăn chặn tệ nạn mại dâm, pháp luật đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Bởi vì pháp luật vừa là thước đo các giá trị đạo đức, vừa là công cụ sắc bén để đấu tranh chống các tệ nạn trong lĩnh vực trên.

Tệ nạn mại dâm đã từ lâu không còn là một vấn đề trong phạm vi quốc gia. Bởi vậy, vấn đề phòng ngừa và ngăn chặn các tệ nạn đó đòi hỏi có sự hợp tác giữa các quốc gia hữu quan. Sự phối hợp của các quốc gia về vấn đề trên được tiến hành dưới các phương tiện khác nhau: trao đổi kinh nghiệm, thông tin, đào tạo chuyên gia, tiến hành các hoạt động hỗ trợ, dẫn độ tội phạm... Để bảo đảm cho sự hợp tác ấy được tiến hành một cách hiệu quả, ổn định, các quốc gia đã ký kết các điều ước quốc tế đa phương và song phương. Các điều ước quốc tế đó cùng với các nguồn khác nhau của pháp luật các quốc gia đã tạo thành một cơ sở pháp luật quan trọng trong việc đấu tranh phòng chống các tệ nạn mại dâm.

Đấu tranh với tệ nạn này, Liên hợp quốc đã có nhiều Công ước quốc tế, Nghị định thư hoặc tuyên bố, nguyên tắc và khuyến khích như: Công ước về trấn áp tội phạm buôn người và bóc lột mại dâm người khác năm 1949, Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979, và Công ước về quyền trẻ em năm 1989. Đây là ba Công ước cơ bản về phòng, chống mại dâm.

Trong Điều 1 và Điều 2 của Công ước về trấn áp tội phạm buôn người và bóc lột mại dâm người khác năm 1949 có quy định:

Điều 1: Các thành viên Công ước này đồng ý trừng phạt bất cứ người nào để làm thỏa mãn nhu cầu nhục dục của người khác mà:

1. Cung cấp, lừa phỉnh hay dụ dỗ, dẫn đi vì những lý do mại dâm một người khác thậm chí với sự đồng ý của người này.
2. Bóc lột sự mại dâm của một người khác, thậm chí với sự đồng ý của người này.

Điều 2: Các nước thành viên Công ước này đồng ý trừng phạt bất cứ người nào đã:

1. Có quản lý hay biết mà vẫn tài trợ hoặc tham gia tài trợ cho một nhà chứa.

2. Biết mà vẫn để, hay cho thuê nhà, hay đi nơi khác hoặc một phần của nhà ấy, nơi ấy cho mục đích mại dâm của những người khác [33].

Năm 1996, Liên hợp quốc có Chương trình hành động phòng chống việc buôn người và bóc lột mại dâm người khác. Chương trình khuyến nghị rằng: để phòng chống buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác, cần phải tăng cường hợp tác quốc tế và thông qua các biện pháp đồng bộ và thông tin, hỗ trợ kinh tế và chuyên môn nhằm đẩy mạnh việc hình thành các chương trình phát triển và phục hồi ở các cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

1.3.2. Pháp luật hình sự một số nước

Tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - chính trị - xã hội cũng như phong tục tập quán và cách nhìn nhận khác nhau mà từng quốc gia trên thế giới có cách đánh giá và xử lý đối với tệ nạn mại dâm nói chung và hành vi môi giới mại dâm nói riêng là hoàn toàn khác nhau. Có những nước cấm, có nước lại hợp pháp hóa hoặc đặt ra các biện pháp quản lý hành chính để kiểm soát tệ nạn mại dâm. Tùy theo quan điểm của các quốc gia trong việc cấm hay hợp pháp hóa mà Nhà nước đó ban hành các văn bản pháp luật khác nhau.

Pháp luật các quốc gia liên quan đến mại dâm nói chung và môi giới mại dâm nói riêng có thể phân làm ba loại: Hệ thống pháp luật của các quốc gia coi mại dâm là một tệ nạn xã hội cần phải loại bỏ; Hệ thống các quốc gia hạn chế tiến tới xóa bỏ nạn mại dâm và hệ thống pháp luật của các nước coi mại dâm là quyền tự do của con người.

Hệ thống pháp luật của các quốc gia coi mại dâm là một tệ nạn xã hội cần phải loại bỏ (trong đó có Việt Nam), theo pháp luật của các quốc gia này thường quy định: tất cả những ai tham gia vào nghề mại dâm (chủ chứa, ma cô, kẻ đưa người, khách làng chơi, gái mại dâm và những người khác có liên

quan tới nghề mại dâm), đều bị coi là người phạm tội và bị trừng phạt theo quy định của pháp luật tiêu biểu là các quốc gia theo đạo Hồi, Mỹ, Thụy Điển, Trung Quốc, Nhật Bản, Philippin... Hầu hết các nước này đều ban hành luật phòng, chống mại dâm và tích cực tham gia ký kết một số điều ước quốc tế liên quan đến vấn đề này như: Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về trừng trị việc buôn bán người và nghề mại dâm của người khác năm 1949; Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979, Công ước năm 1990 về quyền trẻ em; v.v...

Theo hướng này, trước hết phải kể đến các quốc gia theo đạo Hồi truyền thống. Ví dụ như ở Iran, người ta có thể đưa gái mại dâm ra xử tử, ném đá đến chết theo Luật của đạo Hồi. Có thể nói Luật lệ của đạo Hồi rất khắt khe với phụ nữ hành nghề mại dâm, điều đó là nguyên nhân khiến mọi người khiếp sợ và tránh xa mại dâm, làm giảm đáng kể tỉ lệ tệ nạn mại dâm ở nước này.

Luật phòng, chống mại dâm ở Nhật Bản năm 1956, sửa đổi năm 2004, tại Điều 13 quy định: "Không người nào được phép hành nghề mại dâm hoặc là khách hàng của người hành nghề mại dâm" và nghiêm cấm các hành vi: gạ gẫm mại dâm, dẫn dắt người khác hành nghề mại dâm, chứa mại dâm, ép buộc người khác hành nghề mại dâm, nhận tiền bán dâm, ký kết hợp đồng để người khác hành nghề mại dâm, cung cấp tiền bạc cho hoạt động mại dâm [68].

Pháp luật hình sự Trung Quốc, một nước có nhiều nét tương đồng về kinh tế - xã hội cũng như phong tục tập quán với Việt Nam đã quy định việc nghiêm cấm tệ nạn mại dâm nói chung và môi giới mại dâm nói riêng: Điều 359 Bộ luật hình sự Trung Quốc năm 1997, sửa đổi năm 2005 quy định: "Người nào dẫn dắt, chứa chấp, môi giới người khác bán dâm thì bị phạt đến năm năm, cải tạo lao động hoặc quản chế và bị phạt tiền; nếu có tình tiết nghiêm trọng thì bị phạt tù có thời hạn từ năm năm trở lên và bị phạt tiền" [21].

Hay Điều 361 quy định:

Nhân viên của các đơn vị như nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí văn hóa, đơn vị xe taxi lợi dụng những điều kiện của

đơn vị mình để tổ chức cưỡng bức, dẫn dắt, chứa chấp, môi giới người khác bán dâm thì bị xử phạt theo quy định của Điều 358 và điều 359 của Bộ luật này. Những người phụ trách chính của các đơn vị đã nói ở trên mà vi phạm quy định trên sẽ bị xử phạt nặng [21].

Bên cạnh hệ thống pháp luật của các quốc gia coi mại dâm là một tệ nạn xã hội cần phải loại bỏ, thì còn có hệ thống pháp luật của các nước coi mại dâm là quyền tự do của con người. Vì vậy, nó hoạt động hợp pháp dưới sự kiểm soát của cơ quan chức năng. Hệ thống pháp luật này tồn tại ở một số nước như; Đức, Bỉ, Hà Lan, Italia, Pháp. Tại các nước này Nhà nước đề ra các biện pháp bắt buộc đăng ký, đóng thuế môn bài, bắt buộc khám chữa bệnh đối với các nhà chứa và gái hành nghề mại dâm. Tất cả các hành vi mại dâm ở nơi khác và không qua sự kiểm soát của Nhà nước đều bị xử lý về hành chính và có thể bị xử lý cả về mặt hình sự. Ví dụ như tại Hà Lan mỗi năm đội quân gái điểm đóng góp cho ngân sách 1 tỷ USD [39]. Ở Đức, các nhà chứa được phép tồn tại và hoạt động, gái mại dâm còn được hưởng trợ cấp thất nghiệp, được nhận lương hưu, được bảo hiểm sức khỏe. Pháp luật Đức cho phép gái điểm được từ chối khách hàng nào mà họ cảm thấy không đảm bảo an toàn cho bản thân và cho phép giải quyết các tranh chấp về tiền bạc giữa gái điểm và khách hàng trên tòa. Mặc dù vậy Bộ luật hình sự Đức cũng có ghi nhận một số hành vi sau bị coi là phạm tội: Điều hành một nhà chứa bằng cách bóc lột người khác; tạo điều kiện cho việc sử dụng nhà cửa của mình để cho người chưa thành niên hoạt động mại dâm; tuyển lựa người khác cho hoạt động mại dâm; tổ chức hoạt động mại dâm ở nước ngoài; dùng bạo lực lừa đảo hoặc đe dọa mua bán người cho việc mại dâm; hành nghề ma cô.

Như vậy, việc hợp pháp hóa mại dâm ở các nước này đã gây khó khăn cho công tác phòng, chống tệ nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em vào mục đích mại dâm.

Hệ thống các quốc gia hạn chế tiến tới xóa bỏ nạn mại dâm, tiêu biểu là ở Thái Lan. Theo pháp luật của các quốc gia này thì mại dâm không phải là

tội ác nhưng nó gây ra cho xã hội nhiều hậu quả xấu vì vậy cần ngăn chặn và trừng phạt các hoạt động buôn bán phụ nữ và trẻ em làm mại dâm, chứa chấp, ma cô dẫn mối, mua hoặc cho thuê nhà phục vụ cho hoạt động mại dâm. Ở Thái Lan có Luật kiểm chế nạn mại dâm ban hành năm 1960, theo luật này có quy định một số hành vi mại dâm được coi là phạm tội như: tham gia mại dâm với người cùng giới, mua một người để người này tham gia vào hoạt động mại dâm, gạ gẫm tại nơi công cộng với mục đích mại dâm... Việc cấm nghề mại dâm một cách nửa vời ở các nước này đã dẫn đến tình trạng mại dâm được tiến hành dưới hình thức trá hình.

Như vậy, việc pháp luật của các quốc gia trên thế giới ngăn cấm mại dâm hoàn toàn hoặc cho phép hoạt động mại dâm hoạt động như một " nghề" là do sự phát triển về kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội của riêng từng nước, là sự nhìn nhận của cộng đồng xã hội cũng như các giá trị truyền thống, thuần phong mỹ tục của quốc gia đó. Việc nghiên cứu, đánh giá các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về chính sách đối với tệ nạn mại dâm nói chung và hành vi môi giới mại dâm nói riêng là một điều rất quan trọng nhằm góp phần hoàn thiện chính sách, các quy định của Nhà nước ta trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tệ nạn này.

Chương 2

TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Để hiểu được tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội môi giới mại dâm chúng ta cần nghiên cứu về các dấu hiệu pháp lý của nó. Tội môi giới mại dâm cũng bao gồm bốn yếu tố cấu thành; khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm.

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý hình sự

**** Khách thể của tội môi giới mại dâm***

"Khách thể của tội phạm được hiểu là các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại" [65].

Khách thể bảo vệ của luật hình sự là những quan hệ xã hội được Nhà nước xác định cần được bảo vệ bằng những quy phạm pháp luật hình sự. Những quan hệ xã hội đó sẽ là khách thể của tội phạm trong trường hợp chúng bị gây thiệt hại hoặc bị đe dọa gây thiệt hại ở mức độ nhất định.

Bất kỳ tội phạm nào cũng đều xâm hại đến một hoặc một số quan hệ xã hội nhất định được luật hình sự bảo vệ bằng cách gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội đó.

Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định những khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ gồm:

Độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa [47].

Tội môi giới mại dâm thuộc nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Khách thể của tội môi giới mại dâm là trật tự công cộng.

Ngay từ khi mới ra đời, Nhà nước ta luôn coi trọng vấn đề bảo vệ trật tự công cộng, đồng thời không ngừng đổi mới, hoàn thiện việc tổ chức và quản lý lĩnh vực này. Vấn đề xây dựng và quản lý trật tự công cộng là một bộ phận của quá trình xây dựng và quản lý trật tự xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Nếp sống văn minh, lành mạnh là những thói quen sinh hoạt bổ ích đối với thân thể và đời sống tâm hồn, là những hoạt động có tổ chức sinh hoạt cao của con người. Các quan hệ ứng xử giữa con người với con người, con người với xã hội là những giá trị tốt đẹp cần phải duy trì, giữ vững và phát triển... đảm bảo cho một trật tự xã hội luôn được ổn định, tạo đà cho sự phát triển toàn diện của đất nước trên mọi lĩnh vực kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội.

Hành vi môi giới mại dâm xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, các giá trị đạo đức xã hội, tác động tiêu cực đến nếp sống văn minh, hủy hoại nhân cách con người, gây thiệt hại về vật chất và tinh thần cho nhiều gia đình và cá nhân. Hành vi môi giới mại dâm gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, lan truyền những loại bệnh dịch xã hội, đặc biệt lây truyền HIV/AIDS, ảnh hưởng đến tương lai, nòi giống của dân tộc, cản trở công cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội của Đảng, nhà nước và nhân dân ta, tạo điều kiện cho tệ nạn mại dâm và các loại tệ nạn xã hội khác phát triển, tội phạm hình sự gia tăng... do vậy trật tự an toàn xã hội không được bảo đảm.

**** Mặt khách quan của tội môi giới mại dâm***

"Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan" [65].

Mặt khách quan của tội phạm bao gồm: Hành vi nguy hiểm cho xã hội; Hậu quả nguy hiểm cho xã hội, cũng như mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả đó; Các điều kiện bên ngoài của việc thực hiện hành vi

phạm tội bao gồm: Công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm phạm tội...

- Hành vi phạm tội môi giới mại dâm:

Mặt khách quan của tội môi giới mại dâm là những biểu hiện của tội môi giới mại dâm ra thế giới khách quan. Trong đó, có thể xác định mặt khách quan của tội môi giới mại dâm qua dấu hiệu quan trọng nhất - hành vi khách quan của tội phạm.

Trong Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 đều mô tả rõ ràng, cụ thể các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm này. Theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003 thì hành vi môi giới mại dâm là "hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt của người làm trung gian để các bên thực hiện việc mua dâm, bán dâm" [67].

Hành vi khách quan của tội môi giới mại dâm thường được biểu hiện dưới các hình thức khác nhau, có thể thấy được các hình thức phổ biến như:

- Người phạm tội có hành vi dụ dỗ: "dụ dỗ" là khéo dùng lời hay hứa hẹn quyền lợi để thúc đẩy người khác theo ý của mình; dụ dỗ có thể được thực hiện bằng mọi thủ đoạn sao cho nếu không có hành vi dụ dỗ thì người khác không mua bán dâm. Dụ dỗ có thể tiến hành với người mua dâm hoặc với người bán dâm.

Ví dụ: Ngày 10/6/2013, Lương Thị Kim Anh, Hứa Thị Diễm từ Thanh Hóa lên Hà Nội để tìm việc làm. Khi đến phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội thì gặp Nguyễn Thị Lan tại quán nước trước cửa chùa Láng. Qua câu chuyện Lan hứa sẽ tìm được việc cho Anh, Hương và Diễm vì thông cảm là người cùng quê. Đồng thời Lan bảo Anh, Hương, Diễm về nhà Lan thuê tại Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội để ở cùng. Tại đây Lan đã dụ dỗ Anh, Hương, Diễm là sẽ cho họ ăn ở, sinh hoạt cùng với Lan, Lan sẽ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền nhà, điện nước, ăn uống hằng ngày, nếu có khách mua dâm liên hệ với Lan thì Lan cùng với Anh, Hương, Diễm sẽ đi bán

dâm cho khách. Số tiền bán dâm sẽ được chia đôi, Lan lấy một nửa, còn gái bán dâm được một nửa. Do ở quê lên, chưa tìm được việc làm, lại được Lan hứa hẹn như trên nên Anh, Hương, Diễm đồng ý đi bán dâm.

Khoảng 14h ngày 18/6/2013 Lan nhận được điện thoại của Lê Đức Minh gọi hỏi Lan bố trí cho Minh 03 gái bán dâm đến nhà nghỉ Phương Nam tại ngõ 678 đường Láng, Đống Đa, Hà Nội để mua dâm với giá 500.000 đồng/người. Lan đồng ý gọi điện cho Anh, Hương, Diễm bảo Anh, Hương, Diễm đến nhà nghỉ Phương Nam để bán dâm cho khách. Anh, Hương, Diễm đồng ý. Tại phòng 206 nhà nghỉ Phương Nam, Anh, Hương, Diễm gặp Minh, Minh trả cho Hương 1.500.000 đồng là tiền bán dâm của cả ba người, rồi sau đó Anh, Hương, Diễm thực hiện hành vi mua bán dâm cùng với Minh, Dũng, Luân. Đến khoảng 15h50 ngày 18/6/2013 khi Anh - Minh, Hương - Dũng, Diễm - Luân đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị cơ quan công an phát hiện bắt giữ. Tại cơ quan điều tra, Anh, Hương, Diễm, Lan đều thừa nhận số tiền 1.500.000 đồng Hương sẽ đưa lại cho Lan 750.000 đồng, còn lại Anh, Hương, Diễm mỗi người được 250.000 đồng. Ngoài ra ngày 14 và ngày 16/6/2013 Lan cũng đã môi giới cho Anh, Hương, Diễm bán dâm cho khách và được hưởng lợi 1.000.000 đồng.

Tại bản án số 605/2013/HSST ngày 15.11.2013 Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã xử phạt Nguyễn Thị Lan 42 tháng tù về tội môi giới mại dâm theo điểm d, e khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

- Người phạm tội có hành vi dẫn dắt người bán dâm, người mua dâm đến một địa điểm nào đó để việc bán dâm và mua dâm được thực hiện. Hành vi dẫn dắt thể hiện ở hành vi đưa đường dẫn lối sao cho đối tượng đối tượng mua bán dâm gặp nhau. Người phạm tội trở thành kẻ liên lạc, là người làm trung gian giữa người bán dâm và mua dâm. Người phạm tội là trung gian có thể biết nhưng không nhất thiết phải biết cụ thể người bán dâm cho người nào hoặc người mua dâm với ai.

Ví dụ: Khoảng 15h ngày 10/01/2013 Dư Thị Phương nhận điện thoại của Bùi Thanh Long là người quen hỏi về việc mua bán dâm và bảo Phương gọi thêm người đến mua bán dâm. Phương nhận lời đi bán dâm với giá 3.000.000 đồng/người. Sau đó Phương gọi điện cho Tạ Thùy Trang và gửi tin nhắn cho Vũ Thị Thương rủ Trang và Thương đi bán dâm. Trang và Thương đồng ý. Đến khoảng 11h 45 ngày 11/01/2013, Phương, Trang, Thương đến khách sạn Hà Nội Star theo địa chỉ của Long nhắn. Tại đây Trang đi cùng Vũ Văn Quang sang phòng 202, Thương đi cùng Bùi Thanh Long sang phòng 401, còn Phương sang phòng 201 cùng với Hoàng Trọng Thao. Tại phòng 201 Thao đã trả cho Phương 9.000.000 đồng là tiền bán dâm của các đối tượng. Khi các đối tượng đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị cơ quan công an phát hiện bắt giữ. Đối với số tiền bán dâm 9.000.000 đồng, Phương khai sẽ trả cho Trang và Thương mỗi người 2.500.000 đồng, Phương cắt lại của mỗi đối tượng bán dâm 500.000 đồng coi như tiền công Phương gọi cho Trang và Thương. Tại bản án số 233/HSST ngày 14/5/2013 Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã áp dụng điểm e khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự xử phạt Dư Thị Phương 42 tháng tù về tội môi giới mại dâm.

Hành vi dụ dỗ rồi dẫn dắt, dẫn lối chỉ đường thường đi liền với nhau. Nghĩa là người phạm tội có hành vi dụ dỗ người mại dâm về việc mua bán dâm và được người mại dâm nhận lời sau đó người phạm tội chỉ cho biết hoặc trực tiếp dẫn đến nơi mà có thể thực hiện hành vi mua bán dâm.

Song để che mắt cơ quan pháp luật, người phạm tội không thực hiện liền một lúc các hành vi trên mà thực hiện một cách đơn lẻ như người phạm tội chỉ dụ dỗ người mại dâm và sau khi người mại dâm nhận lời người phạm tội sẽ móc nối cho một người khác làm nhiệm vụ chỉ đường dẫn lối. Móc nối ở đây được hiểu là "hành vi trao đổi lén lút những quyền lợi một cách bất chính".

Người phạm tội tổ chức cho người mua dâm và người bán dâm gặp nhau bằng cách bố trí, sắp xếp địa điểm, thời gian đồng thời người phạm tội còn đứng ra làm trung gian thỏa thuận về giá cả và phân chia lợi nhuận.

Người phạm tội có thể ngã giá ngay với khách mua dâm sau đó sắp xếp cho khách mua dâm gặp kẻ bán dâm tại địa điểm đã thỏa thuận và trả cho người bán dâm một khoản tiền.

- Hậu quả nguy hiểm cho xã hội của hành vi môi giới mại dâm và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi với hậu quả của nó.

Đây là tội phạm có cấu thành hình thức vì vậy hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm, nghĩa là chỉ cần có hành vi nguy hiểm cho xã hội mà không cần có hậu quả xảy ra. Tội phạm hoàn thành khi người phạm tội có hành vi dụ dỗ, dẫn dắt người mua dâm, người bán dâm để các đối tượng mua bán dâm thỏa thuận được việc mua bán dâm, không cần thực hiện xong hành vi mua bán dâm hay chưa. Hành vi mua bán dâm sau đó của khách mua dâm và người bán dâm chỉ là hậu quả tất yếu xảy ra tiếp sau hành vi phạm tội, nó không được coi là dấu hiệu khách quan bắt buộc của tội phạm này mà chỉ được xem như một tình tiết để đánh giá mức độ phạm tội và lượng hình đối với người phạm tội trong các trường hợp cụ thể.

Hành vi môi giới mại dâm để lại hậu quả hết sức nặng nề như: ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tinh thần của nhân dân, hao tốn tiền bạc của nhà nước, phá hoại hạnh phúc của gia đình và là nguyên nhân phát sinh bao tệ nạn xã hội và tội phạm khác.

Hậu quả trực tiếp mà hành vi môi giới mại dâm gây ra là tổ chức cho người mua dâm và người bán dâm gặp nhau dẫn đến hành vi dâm loạn xảy ra. Hành vi này còn là mắt xích quan trọng trong đường dây mua bán dâm và tạo điều kiện cho người phạm tội thu được lợi nhuận cao.

Trong mặt khách quan của tội môi giới mại dâm, cần chú ý tới các dấu hiệu khác như thủ đoạn, phương pháp phạm tội. Thủ đoạn và phương pháp phạm tội chính là cách thức, mách khéo mà người phạm tội sử dụng nhằm thực hiện hành vi phạm tội và che giấu tội phạm. Dấu hiệu này cần chú ý khi đánh giá tính chất nguy hiểm của tội phạm và khi lượng hình với một vụ án

cụ thể. Thực hiện hành vi môi giới mại dâm người phạm tội thường sử dụng nhiều thủ đoạn tinh vi và xảo quyệt như: bán thuốc lá ở vỉa hè, bán cà phê, quán nhậu để ngụy trang cho việc môi giới mại dâm, hay làm xe ôm, lái taxi vừa chở khách vừa thực hiện hành vi môi giới mại dâm. Đó chỉ là vỏ bọc để thực hiện hành vi môi giới mại dâm. Hành vi của người phạm tội môi giới mại dâm là hoạt động không cố định về đại điểm mà thường xuyên thay đổi địa bàn hoạt động, phương pháp cũng rất đa dạng...do vậy mà cũng không dễ bị phát hiện, mỗi sơ hở thiếu sót trong công tác quản lý hành chính đều bị người phạm tội lợi dụng để hành nghề. Để đối phó với các thủ đoạn hoạt động của tội phạm này cần đòi hỏi sự sâu sát của cán bộ chính quyền địa phương, đặc biệt là ở cấp cơ sở của lực lượng bảo vệ trật tự an toàn xã hội ở địa phương và sự ủng hộ giúp sức của quần chúng nhân dân. Mặt khác, phải chặt chẽ, thận trọng và bảo đảm các nguyên tắc trong cấp giấy phép đăng ký kinh doanh, dịch vụ, đồng thời phải thường xuyên kiểm tra hoạt động của các cơ sở kinh doanh, dịch vụ để kịp thời phát hiện, diệt trừ ngay các ổ mại dâm trá hình và đang hoành hành ở nhiều nơi.

Đối với hoàn cảnh phạm tội: đại đa số trong các trường hợp phạm tội, người phạm tội thường là những kẻ lười lao động, tha hóa, lối sống thực dụng, biến chất, lưu manh chuyên nghiệp có nhiều tiền án tiền sự, muốn làm giàu một cách nhanh chóng bất chấp pháp luật và đạo lý, cố tình phạm tội mặc dù có thể kiếm sống bằng việc làm ăn chính đáng. Đối với những trường hợp này cần trừng trị thật nghiêm khắc mới thỏa đáng. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp, bản thân người phạm tội rơi vào hoàn cảnh hết sức khó khăn phải phạm tội để tìm ra nguồn sống dù biết rằng thực hiện hành vi ấy là trái đạo đức và vi phạm pháp luật, cần có biện pháp xử lý phù hợp.

**** Mặt chủ quan của tội môi giới mại dâm***

Tội phạm là thể thống nhất của hai mặt khách quan và chủ quan của tội phạm. Mặt khách quan là những biểu hiện ra bên ngoài của tội phạm, mặt chủ

quan là tâm lý bên trong của người phạm tội. Với ý nghĩa là một mặt của hiện tượng thống nhất, mặt chủ quan của tội phạm không tồn tại một cách độc lập mà luôn gắn liền với mặt khách quan của tội phạm. Hoạt động tâm lý bên trong của người phạm tội luôn luôn gắn liền với biểu hiện bên ngoài của tội phạm.

Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm: lỗi, mục đích phạm tội và động cơ phạm tội.

Lỗi là thái độ tâm lý bên trong của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội của mình, cũng như khả năng gây ra hậu quả từ hành vi đó.

Mục đích phạm tội là kết quả cuối cùng mà người phạm tội muốn đạt được khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Nó xác định khuynh hướng ý chí và khuynh hướng hành động của người phạm tội.

Động cơ phạm tội là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội.

Mỗi yếu tố có ý nghĩa khác nhau trong việc chủ thể thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó lỗi được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm. Mục đích và động cơ tuy cùng là dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm nhưng không phải lúc nào cũng có ý nghĩa quyết định tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và cũng không phải luôn luôn là dấu hiệu đặc trưng của tội phạm để phân biệt các loại tội với nhau. Mục đích và động cơ chỉ được phản ánh trong một số cấu thành tội phạm cơ bản là dấu hiệu bắt buộc, ngoài ra nó cũng được dùng để xác định tình tiết định khung ở một số tội phạm.

Theo quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 thì tội môi giới mại dâm được thực hiện với lỗi cố ý. Trong tội phạm này, người thực hiện hành vi phạm tội hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là dụ dỗ, dẫn dắt người mua bán dâm là có tính chất nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật hình sự nghiêm cấm, nhận thức rõ tính chất xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, trật tự công cộng của xã hội... nhưng họ vẫn tìm mọi cách, mong muốn hành vi được thực hiện.

Mặt khác, tội môi giới mại dâm được xây dựng dưới dạng cấu thành tội phạm hình thức (dấu hiệu hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành cơ bản của tội phạm này). Tuy nhiên, trong tội môi giới mại dâm người phạm tội có thể hoàn toàn thấy trước được hậu quả của hành vi của mình gây ra như làm cho tệ nạn mại dâm và các tệ nạn xã hội khác phát triển, gây ra sự lan truyền các loại bệnh xã hội, đặc biệt là căn bệnh AIDS, hạnh phúc gia đình bị tan vỡ... nhưng người phạm tội vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, yếu tố lỗi ở đây bao giờ cũng là lỗi cố ý. Mặt khác, khi thực hiện hành vi dụ dỗ, dẫn dắt người mua bán dâm, ý chí của người phạm tội luôn mong muốn cho hậu quả xảy ra vì vậy lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp mà không bao giờ là lỗi cố ý gián tiếp.

Về mục đích, động cơ phạm tội, đối với tội môi giới mại dâm không phải là dấu hiệu định tội bắt buộc, vì vậy khi xác định tội danh không cần phải xét đến dấu hiệu này. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng nên xác định động cơ, mục đích phạm tội cụ thể của người phạm tội để tuyên một hình phạt phù hợp. Trong tội môi giới mại dâm động cơ mục đích phạm tội nói chung thường không có tính quyết định đến tính nguy hiểm của tội phạm. Động cơ ở đây xuất phát từ việc người phạm tội muốn làm giàu nhanh chóng, kiếm được nhiều tiền mà không phải từ lao động chân chính. Thực tiễn xét xử các vụ án các vụ án môi giới mại dâm đã cho thấy, phần lớn việc phạm tội đều do động lực kinh tế thúc đẩy.

Động cơ, mục đích phạm tội thường đi liền với nhau. Mục đích phạm tội chính là cái mốc trong ý thức phạm tội mà người phạm tội đã đặt ra và để đạt được nó, họ tiến hành thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích phạm tội cũng chỉ đặt ra đối với những trường hợp phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bởi chỉ trong những trường hợp này họ mới thực sự mong muốn thực hiện hành vi phạm tội để đạt được mục đích nhất định. Chúng ta thường thấy động cơ trong các vụ án môi giới mại dâm là vụ lợi. Vụ lợi có thể hiểu là những lợi ích

vật chất hoặc lợi ích phi vật chất mà người phạm tội đạt được khi thực hiện hành vi môi giới mại dâm. Tuy nhiên, động cơ của hành vi môi giới mại dâm không nhất thiết chỉ dừng lại ở việc thu lợi ích vật chất. Trong thực tế, có những trường hợp người phạm tội môi giới mại dâm mà không nhằm kiếm lời mà với mục đích khác như: mua chuộc người có chức quyền, làm vui lòng bạn bè...

Do đó, nếu chỉ cho rằng mục đích kiếm lời là dấu hiệu bắt buộc của tội môi giới mại dâm thì sẽ dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Bất kỳ người có năng lực trách nhiệm hình sự, nếu có hành vi môi giới mại dâm thì cũng bị coi là tội phạm, và kể từ khi thực hiện hành vi môi giới mại dâm thì tội phạm hoàn thành, mục đích vụ lợi chỉ là dấu hiệu mà chúng ta thường gặp trong các vụ án chứ không phải là dấu hiệu bắt buộc đối với cấu thành của loại tội phạm này.

**** Chủ thể của tội môi giới mại dâm***

"Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể" [65].

Năng lực trách nhiệm hình sự và độ tuổi là những dấu hiệu pháp lý bắt buộc đối với chủ thể của tội phạm. Hai dấu hiệu này của yếu tố chủ thể của tội phạm được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm.

Theo luật hình sự Việt Nam, chủ thể của tội phạm được hiểu là con người cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội ở thời điểm họ có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Cũng như chủ thể của các tội phạm khác, chủ thể của tội môi giới mại dâm chỉ cần là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật.

Năng lực trách nhiệm hình sự là năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Năng lực trách nhiệm hình sự là điều kiện cần thiết để có thể xác định con người có lỗi khi họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Chỉ có

người có năng lực trách nhiệm hình sự mới có thể là chủ thể của tội phạm. Người có năng lực trách nhiệm hình sự là người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi và có khả năng điều khiển được hành vi ấy. Người có năng lực trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam là người đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (Điều 12) và không thuộc trường hợp ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự (Điều 13 Bộ luật hình sự năm 1999).

Trong tội môi giới mại dâm, người phạm tội là người có năng lực trách nhiệm hình sự; tức là họ nhận thức được hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật hình sự cấm thực hiện và họ hoàn toàn có khả năng điều khiển hành vi của mình để không thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng họ vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó có nghĩa là người phạm tội hoàn toàn tự chủ và có ý thức rõ ràng về hành vi nguy hiểm mà mình thực hiện cho xã hội.

Bên cạnh dấu hiệu năng lực trách nhiệm hình sự, đối với chủ thể của tội phạm nói chung cũng như tội môi giới mại dâm nói riêng còn phải là người đạt độ tuổi nhất định do luật định.

Điều 12 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm;
2. Người từ đủ 14 tuổi, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng [47].

Đồng thời, theo khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999 có quy định:

...Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung

hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình [47].

Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 12, Điều 13 và Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 thì *Chủ thể của tội môi giới mại dâm là bất cứ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi môi giới mại dâm thì phạm tội môi giới mại dâm.*

Chủ thể của tội phạm này không phải là chủ thể đặc biệt, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều luật; người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này không phân biệt thuộc trường hợp quy định tại khoản nào của Điều luật này.

Tóm lại, qua việc phân tích bốn yếu tố cấu thành tội phạm của tội môi giới mại dâm có thể thấy chúng là một thể thống nhất, có quan hệ biện chứng với nhau, cho phép nhận thức sâu sắc bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi môi giới mại dâm gây ra, đồng thời là căn cứ pháp lý quan trọng để phân biệt tội môi giới mại dâm với một số tội phạm cụ thể khác.

2.1.2. Hình phạt đối với tội môi giới mại dâm

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội.

Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định [47].

Hệ thống hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn nhằm giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm ngăn ngừa người khác tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Như đã phân tích ở trên, có thể thấy rằng môi giới mại dâm là tội phạm có tính nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong những năm gần đây hoạt động môi giới mại dâm diễn biến vô cùng phức tạp và thủ đoạn ngày càng xảo quyệt. Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định bốn khung hình phạt chính áp dụng đối với người phạm tội môi giới mại dâm là hình phạt tù, bên cạnh đó người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Cụ thể như sau:

*** *Hình phạt chính:***

"Hình phạt chính là hình phạt bắt buộc phải áp dụng đối với người phạm tội và được Tòa án tuyên độc lập phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà người phạm tội đã thực hiện" [31].

Theo quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 thì hình phạt chính được áp dụng với tội môi giới mại dâm là hình phạt tù. Theo đó người phạm tội có thể bị phạt tù cao nhất đến hai mươi năm.

- Khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999, quy định: "Người nào dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm" [47].

Như vậy, trong trường hợp phạm tội thông thường, người phạm tội thực hiện hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm (thỏa mãn dấu hiệu định tội) mà không có các tình tiết tăng nặng tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 thì khung hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội môi giới mại dâm là: "phạt tù từ sáu tháng đến năm năm". Việc quyết định hình phạt cụ thể cần căn cứ vào quy định của Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999 trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Với quy định này, tội môi giới mại dâm ở khung cơ bản thuộc loại tội phạm nghiêm trọng.

- Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

- a. Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
- b. Có tổ chức;
- c. Có tính chất chuyên nghiệp;
- d. Phạm tội nhiều lần;
- đ. Tái phạm nguy hiểm;
- e. Đối với nhiều người;
- g. Gây hậu quả nghiêm trọng khác [47].

Hình phạt đối với người phạm tội có một trong các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 là hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm. Các tình tiết này được hiểu như sau:

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp: Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi (điểm a).

Môi giới mại dâm đối với người chưa thành niên là trường hợp phạm tội môi giới mại dâm người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Phạm tội môi giới mại dâm đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là trường hợp phạm tội làm cho tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội tăng lên. Nguyên nhân là do người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là đối tượng đang ở độ tuổi còn thấp, nhận thức còn non nớt, sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần còn chưa hoàn thiện. Chính vì vậy, sự tác động tới đối tượng này sẽ gây nên hậu quả rất nghiêm trọng, do đó cần áp dụng khung hình phạt tăng nặng, xử phạt thật nghiêm khắc người phạm tội để nghiêm trị.

Về cách thức xác định tuổi, căn cứ Tiểu mục 2 mục 11 phần II Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ hướng dẫn như sau:

a. Nếu xác định được tháng cụ thể nhưng không xác định được ngày nào trong tháng đó thì lấy ngày mùng một của tháng đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

b. Nếu xác định được quý cụ thể của năm nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong quý đó thì lấy mùng một của tháng đầu quý đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

c. Nếu xác định được cụ thể nửa đầu của năm hay nửa cuối năm nhưng không xác định được ngày, tháng nào của nửa đầu của năm hay nửa cuối năm thì lấy ngày mùng một tháng giêng hoặc ngày mùng một tháng bảy tương ứng của năm đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo;

d. Nếu không xác định được năm nào, quý nào, tháng nào, trong năm thì lấy ngày mùng một tháng giêng của năm đó làm ngày sinh của người bị hại để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo [57].

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "Có tổ chức" (điểm b): Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 thì: "Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm" [47]. Theo đó phạm tội môi giới mại dâm có tổ chức là hành thức đồng phạm môi giới mại dâm có từ hai người trở lên cùng cố ý thực hiện tội môi giới mại dâm và có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng tham gia. Đây là tình tiết mới so với Bộ luật hình sự năm 1985. Việc bổ sung tình tiết này là phù hợp với thực tiễn bởi trong những năm gần đây, loại tội phạm này diễn ra hết sức phức tạp, có sự câu kết giữa bọn môi giới mại dâm và đối tượng mại dâm tạo thành đường dây mại dâm lớn, có tổ chức chặt chẽ. Do đó cần phải trừng trị nghiêm khắc đối với người phạm tội có tình tiết này.

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp: "Có tính chất chuyên nghiệp" (điểm c). Phạm tội "Có tính chất chuyên nghiệp" được hiểu là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi lặp đi lặp lại nhiều lần, coi việc phạm tội như là cách để tồn tại, sử dụng những tài sản do mình có được từ việc phạm tội là nguồn thu nhập chính hoặc duy nhất.

Để tạo cơ sở áp dụng pháp luật thống nhất, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, trong đó tình tiết phạm tội "Có tính chất chuyên nghiệp" được hướng dẫn như sau:

Được coi là phạm tội "có tính chất chuyên nghiệp" khi cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích và người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính [59].

Như vậy, phạm tội môi giới mại dâm "Có tính chất chuyên nghiệp" là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi môi giới mại dâm từ năm lần trở lên và lấy tiền, hiện vật từ việc môi giới mại dâm đó làm nguồn sống chính.

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "Phạm tội nhiều lần" (điểm d): là người phạm tội môi giới mại dâm thực hiện hành vi môi giới mại dâm:

1, Cho một đôi hoặc nhiều đôi mua bán dâm từ hai lần trở lên trong khoảng thời gian khác nhau, không phân biệt thời gian dài hay ngắn.

2, Cho hai đôi mua bán dâm trở lên độc lập với nhau trong cùng một khoảng thời gian.

3, Cho một người mua bán dâm với hai người trở lên trong các khoảng thời gian khác nhau.

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "*Tái phạm nguy hiểm*" (điểm đ): Khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định những trường hợp sau được coi là tái phạm nguy hiểm:

Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích lại phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; đã tái phạm chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do vô ý [47].

Theo đó, đối với tội môi giới mại dâm, tái phạm nguy hiểm được hiểu là tình tiết định khung tăng nặng. Chỉ áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm đối với người phạm tội môi giới mại dâm nếu:

1- Đã bị kết án về tội môi giới mại dâm theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 255, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội môi giới mại dâm theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 255.

2- Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội môi giới mại dâm.

Sở dĩ quy định như vậy là vì tội môi giới mại dâm có trường hợp là tội phạm nghiêm trọng (khoản 1), có trường hợp là tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (khoản 2, khoản 3, khoản 4).

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp: "Đối với nhiều người" (điểm e): là hành vi môi giới mại dâm một lần hoặc nhiều lần môi giới từ hai người bán hoặc hai người mua dâm trở lên, cùng thời điểm hoặc khác thời điểm, nhưng chưa lần nào bị xét xử, cũng chưa lần nào hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu nhiều lần môi giới nhưng mỗi lần chỉ môi giới đối với một người thì không bị coi là đối với nhiều người nhưng nếu mỗi lần môi giới đối với nhiều người thì thuộc cả hai trường hợp "phạm tội nhiều lần" và "đối với nhiều người".

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "Gây hậu quả nghiêm trọng khác" (điểm g): Hậu quả phải do hành vi phạm tội gây ra và có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả. Hậu quả đó có thể là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc hậu quả phi vật chất - gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Để xem xét trong trường hợp nào hành vi phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng khác, về nguyên tắc chung phải đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ các hậu quả: thiệt hại về tài sản, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và các thiệt hại phi vật chất.

Ngoài các thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản, thì thực tiễn cho thấy có thể còn có hậu quả phi vật chất, như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gây ảnh hưởng về an ninh, trật tự, an toàn xã hội... Trong các trường hợp này phải tùy vào từng trường hợp cụ thể để đánh giá mức độ của hậu quả do tội phạm gây ra là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Hiện nay, chưa có quy định cụ thể nào là gây hậu quả nghiêm trọng khác nên có thể vận dụng Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp để xác định hậu quả nghiêm trọng khác.

Như vậy, "gây hậu quả nghiêm trọng khác" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự có thể hiểu là những ảnh hưởng của việc môi giới mại dâm tác động đến các quan hệ xã hội có liên quan, đến trật tự công cộng. Có thể xem hành vi của tội phạm là gây hậu quả nghiêm trọng khác khi:

Hành vi của người phạm tội gây ảnh hưởng xấu về chính trị - xã hội như: Lôi kéo, mua chuộc, làm tha hóa nhiều cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước vào hoạt động môi giới mại dâm, hoặc để họ bao che, dung túng cho hoạt động phạm tội. Hoặc người phạm tội đã có hoạt động công khai, bị dư luận quần chúng nhân dân lên án.

Truyền bệnh cho người khác: là trường hợp người thực hiện hành vi môi giới mại dâm biết rõ người mua- bán dâm bị nhiễm bệnh như lậu, giang mai, HIV-AIDS... nhưng vẫn thực hiện hành vi môi giới cho họ thực hiện hành vi mua bán dâm dẫn đến việc làm lây truyền các loại bệnh dịch xã hội.

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ ba năm tù đến mười năm tù; là tội phạm nghiêm trọng.

- Khoản 3 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a. Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- b. Gây hậu quả rất nghiêm trọng [47].

Khoản 3 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định mức hình phạt nặng hơn so với khoản 2. Theo đó, người phạm tội môi giới mại dâm nếu thuộc một trong các tình tiết định khung tăng nặng như: "đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi", "gây hậu quả rất nghiêm trọng" thì có thể bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" (điểm a):

Môi giới mại dâm đối với trẻ em là trường hợp môi giới mại dâm từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Nếu môi giới mại dâm người dưới 13 tuổi thì có thể bị xử phạt về tội hiếp dâm trẻ em theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự.

Phạm tội môi giới mại dâm đối với người chưa thành niên từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là đối tượng bị tác động có tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội tăng nặng hơn so với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Hành vi này không những xâm hại đến sự phát triển về mặt tâm sinh lý của trẻ em, xâm hại quyền tự do tình dục mà còn ảnh hưởng xấu đến sự phát triển toàn diện, làm hình thành nhân cách lệch lạc ở trẻ em. Trên phương diện trật tự xã hội, việc môi giới mại dâm đối với trẻ em từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi gây lên làn sóng bất bình trong dư luận và cộng đồng xã hội. Do đó, cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc đối với người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội thuộc tình tiết này.

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "Gây hậu quả rất nghiêm trọng" (điểm b). Hiện nay, chưa có quy định cụ thể nào là "gây hậu quả rất nghiêm trọng"; nên có thể vận dụng Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp để xác định hậu quả rất nghiêm trọng.

+ Do đó, "gây hậu quả rất nghiêm trọng" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 255 Bộ luật hình sự là trường hợp gây hậu quả có mức độ nguy hiểm, hậu quả gây ra đối với trật tự công cộng, lối sống đạo đức... lớn hơn nhiều. Chẳng hạn như: gây dư luận mạnh mẽ trong quần chúng nhân dân, lây truyền bệnh cho hàng chục người, lây nhiễm HIV/AIDS cho nhiều người, gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người mua - bán dâm...

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 255 Bộ luật hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ bảy năm tù đến mười lăm năm tù; là tội phạm rất nghiêm trọng.

- Khoản 4 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: "Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm" [47].

Đây là khung hình phạt tăng nặng nhất đối với người phạm tội môi giới mại dâm. Người phạm tội mại dâm sẽ bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm nếu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Hiện nay, chưa có quy định cụ thể nào là "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" nên trước mắt có thể vận dụng Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp để xác định hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Do đó, "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" được hiểu là trường hợp phạm tội gây hậu quả vượt quá mức bình thường nhiều lần, có thể dẫn đến những hậu quả tai hại. So với tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" và "gây

hậu quả rất nghiêm trọng" thì ở trường hợp "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" có tính chất và mức độ nguy hiểm đặc biệt lớn. Hậu quả mà hành vi môi giới mại dâm gây ra ảnh hưởng lớn tới trật tự xã hội, làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm với số lượng lớn, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của cán bộ, công chức hoặc uy tín của các cơ quan, tổ chức, làm xói mòn đạo đức, truyền thống, làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của con người.

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ mười hai năm tù đến hai mươi năm tù; là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

**** Hình phạt bổ sung***

Hình phạt bổ sung là hình phạt có tính chất hỗ trợ (bổ sung) cho hình phạt chính và là hình phạt không được tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm với hình phạt chính phù hợp với đặc điểm của một số tội phạm và nhân thân người phạm tội [31]. Hình phạt bổ sung có tác dụng hỗ trợ và nâng cao hiệu quả áp dụng của hình phạt chính.

Đối với tội môi giới mại dâm, Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hình phạt chính và hình phạt bổ sung ngay trong cùng một điều luật, khoản 5 Điều 255 quy định: "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng" [47].

Phạt tiền là hình phạt nhằm tước đi lợi ích vật chất của người phạm tội sung công quỹ nhà nước. Đối với tội môi giới mại dâm, việc quy định hình phạt tiền là hình phạt bổ sung có thể áp dụng đối với người phạm tội là hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm bởi vì động cơ mục đích phạm tội ở tội môi giới mại dâm thường hướng tới mục đích thu lợi từ hoạt động mại dâm. Do đó, bên cạnh việc trừng trị người phạm tội bằng hình phạt tù, cần bổ sung thêm hình phạt tiền nhằm tước đi lợi ích vật chất của họ, tác động vào tình trạng tài sản của người phạm tội, thông qua đó tác động đến ý thức của người phạm tội.

Mức phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng được quyết định tùy theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm được thực hiện, đồng thời xét đến tình trạng tài sản của người phạm tội và sự biến động giá cả theo từng thời kỳ.

2.2. THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.2.1. Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của thành phố Hà Nội

Là Thủ đô của cả nước, Hà Nội nằm ở vị trí trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, giới hạn khoảng 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc, 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, tiếp giáp với 5 tỉnh: Phía Đông giáp với Bắc Ninh và Hưng Yên, phía Tây giáp với Hòa Bình, Phú Thọ, phía Nam giáp với Hà Nam, phía Bắc giáp với Hòa Bình, Vĩnh Phúc. Hà Nội có diện tích tự nhiên 3.344.000 km², bao gồm 12 quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Tây Hồ, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Long Biên, Hoàng Mai, Hà Đông, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm và 18 huyện: Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Gia Lâm, Ba Vì, Chương Mỹ, Đan Phượng, Hoài Đức, Phú Xuyên, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất, Thanh Oai, Thường Tín, Ứng Hòa, Mê Linh, Sơn Tây, Mỹ Đức [64].

Với dân số 7,3 triệu người (năm 2013), Hà Nội là thành phố đông dân nhất nước ta, mật độ dân số xấp xỉ 2059 nghìn người/ km² [64].

Hà Nội nằm hai bên bờ sông Hồng, giữa vùng đồng bằng Bắc Bộ trù phú và nổi tiếng từ lâu đời, Hà Nội có vị trí và địa thế thuận lợi để trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học và đầu mối giao thông quan trọng của cả nước. Chính những lợi thế và dư địa chí đã tạo cho Hà Nội một khả năng giao lưu trong nước và quốc tế thuận lợi, từ Thủ đô Hà Nội có thể đi khắp mọi miền đất nước cũng như ra nước ngoài bằng hệ thống giao thông thuận tiện, đa dạng về loại hình: đường không, đường bộ, đường sắt, đường thủy. Vì thế mà Hà Nội phát triển kinh tế - xã hội tương đối toàn diện, bền vững với hệ thống giao thông phát triển, với nhiều khu công nghiệp lớn, kim

ngạch xuất khẩu tăng đồng thời đây là nơi thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Hà Nội là thị trường tiêu thụ rất lớn, đây cũng là nơi tập trung nhiều khu vui chơi, giải trí, nhiều nhà hàng, khách sạn, đặc biệt là các loại hình dịch vụ phát triển rất mạnh.

Tuy nhiên, chính những điều kiện tự nhiên phát triển trên đây cũng là một trở ngại đối với Thủ đô Hà Nội trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bởi lẽ, chúng ta đang phải đối mặt với nhiều vấn đề xã hội rất phức tạp như: sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn, vấn đề việc làm trở nên khó khăn, tỷ lệ người nhập cư về Hà Nội ngày một đông... Trong khi công tác quản lý còn nhiều bất cập khiến cho công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, trong đó có tội phạm về mại dâm gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, các biện pháp phòng ngừa đấu tranh với các tệ nạn mại dâm và các biện pháp xử lý đối với loại tội phạm trên hiện chưa cụ thể, triệt để.

Trong những năm qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc giữ gìn trật tự an toàn xã hội song diễn biến của tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, các hiện tượng vi phạm pháp luật vẫn xảy ra nghiêm trọng. Theo số liệu thống kê năm 2013 của Bộ lao động thương binh xã hội: nếu so với các nước Đông Nam Á thì tội phạm nước ta vào mức trung bình, tuy nhiên tính chất tội phạm nguy hiểm hơn trước, nhất là các vụ án nghiêm trọng do nguyên nhân xã hội chiếm 93%, ở Hà Nội chiếm 71% tội phạm hình sự là phạm pháp lần đầu.

Thực tế cho thấy tình hình tội phạm đang có xu hướng tăng cả về tính chất phức tạp và số vụ xảy ra cùng với sự thay đổi về cơ cấu tội phạm. Tính chất hoạt động tội phạm hình sự vừa tinh vi, vừa táo bạo. Tình hình phụ nữ phạm tội có chiều hướng tăng rất rõ rệt và ngày càng có nhiều hình thức phạm tội mới nguy hiểm như: bắt cóc trẻ em, buôn bán phụ nữ, trẻ em ra nước ngoài, tổ chức mại dâm...

Tình hình diễn biến của tội phạm nói chung và tội phạm môi giới mại dâm nói riêng trên địa bàn thành phố Hà Nội ngày càng phức tạp. Tội

môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội chiếm tỷ lệ cao trong số các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và ngày càng có chiều hướng gia tăng. Số người phạm tội rất đa dạng về thành phần xã hội, độ tuổi và cả trình độ. Đó là một trong những điểm phức tạp của tội phạm môi giới mại dâm. Chính vì vậy, việc đấu tranh phòng, chống tội phạm môi giới mại dâm là một nhiệm vụ rất bức xúc đặt ra không chỉ với những cơ quan có chức năng mà còn là nhiệm vụ chung của cả cộng đồng và của mỗi công dân.

Qua một số số liệu thống kê ở phần sau, sẽ thấy được về tình hình tội phạm môi giới mại dâm trong những năm từ 2009 đến năm 2013 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Qua đó chúng ta cũng có thể thấy được diễn biến của tình hình nhằm đưa ra những biện pháp ngăn chặn có hiệu quả sự phát triển của tệ nạn này.

2.2.2. Tình hình xét xử tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội

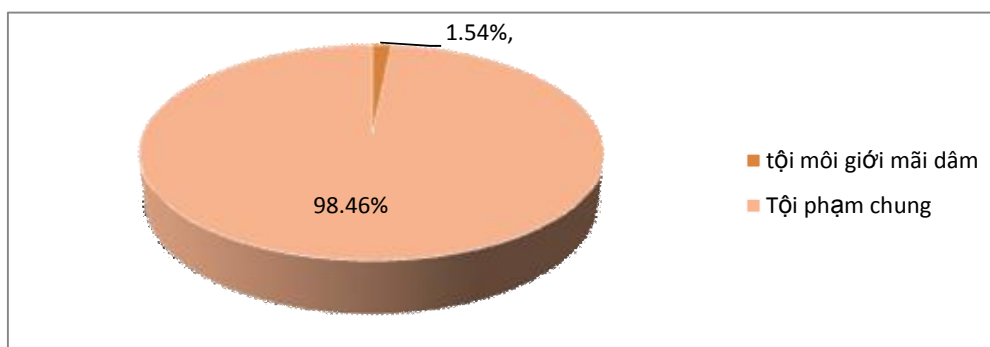
Trên cơ sở số liệu thống kê tội phạm được xét xử sơ thẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013) nhằm đưa ra được những đánh giá về thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tội phạm về tội phạm môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội, đồng thời qua đó thống kê được một số đặc điểm nhân thân của những người phạm tội của tội phạm này.

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, trong thời gian 05 năm (2009- 2013), Tòa án nhân dân cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đưa ra xét xử sơ thẩm 24.040 vụ án các loại với 38.835 bị cáo, trong đó có 371 vụ án phạm tội môi giới mại dâm với tổng số 465 bị cáo. Trung bình một năm xét xử khoảng 74 vụ và 93 bị cáo về tội môi giới mại dâm. Bảng thống kê dưới đây thể hiện cụ thể số vụ và số bị cáo được Tòa án nhân dân cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đưa ra xét xử sơ thẩm theo từng năm 2009 đến năm 2013.

Bảng 2.1: Số vụ án và số bị cáo xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với các tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)

Năm	Tình hình xét xử tội phạm trên địa bàn Hà Nội				
	Tội phạm chung (1)		Tội môi giới mại dâm (2)		Tỷ lệ % (2/1)
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	
2009	3.083	4.016	45	65	1,45%
2010	3.330	4.078	51	75	1,53%
2011	2.496	4.450	37	42	1,48%
2012	7.679	13.784	126	145	1,64%
2013	7.452	12.507	112	138	1,5%
Tổng	24.040	38.835	371	465	1,54%

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.



Biểu đồ 2.1: So sánh số vụ án và số bị cáo xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với các tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Xem xét về mối tương quan và tỷ lệ giữa tội môi giới mại dâm và tội phạm nói chung cho thấy trong thời gian 05 năm (2009 - 2013) Tòa án nhân dân cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đưa ra xét xử 24.040 vụ án các loại, trong đó có 371 vụ án phạm tội môi giới mại dâm, chiếm tỷ lệ 1,54%. Theo thống kê này chúng ta thấy tội môi giới mại dâm xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội so với tội phạm nói chung không cao nhưng số vụ phạm tội môi giới mại dâm có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần

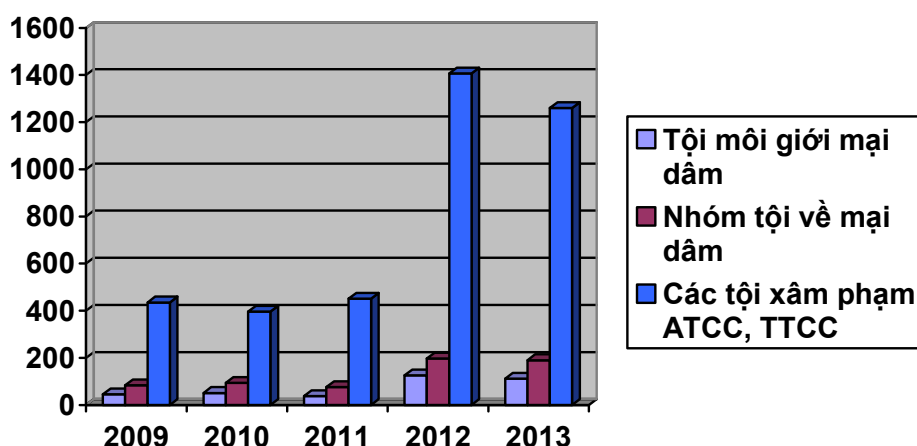
đây. Xét về tương quan tình hình tội phạm nói chung và tội môi giới mại dâm nói riêng trong thời gian qua diễn biến không ổn định, tăng giảm thất thường. Tình hình tội phạm trong những năm qua tăng đáng kể đặc biệt có sự tăng đột biến ở năm 2012 với 7.679 vụ. Về số vụ phạm pháp hình sự trong năm năm tình hình tội phạm nói chung có xu hướng tăng nhanh trong đó cao nhất là năm 2012. Cụ thể tổng số tội phạm năm 2012, năm 2013 tăng gấp 3 lần so với năm 2010, năm 2009. Còn đối với tội Môi giới mại dâm thì số vụ năm 2012, 2013 tăng gấp 3,4 lần so với năm 2011, và tăng gấp 2 lần so với năm 2010, năm 2009. Như vậy có thể thấy tình hình tội phạm nói chung và tội phạm môi giới mại dâm trên địa bàn Hà Nội rất đáng lo ngại, có những diễn biến bất thường.

Để có cái nhìn tổng quát hơn, thấy rõ hơn về mức độ nghiêm trọng của tình hình tội phạm môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội cần so sánh tình hình tội phạm môi giới mại dâm với nhóm tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng và các tội phạm về mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013).

Bảng 2.2: Số vụ án và số bị cáo xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với nhóm tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng và các tội phạm về mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)

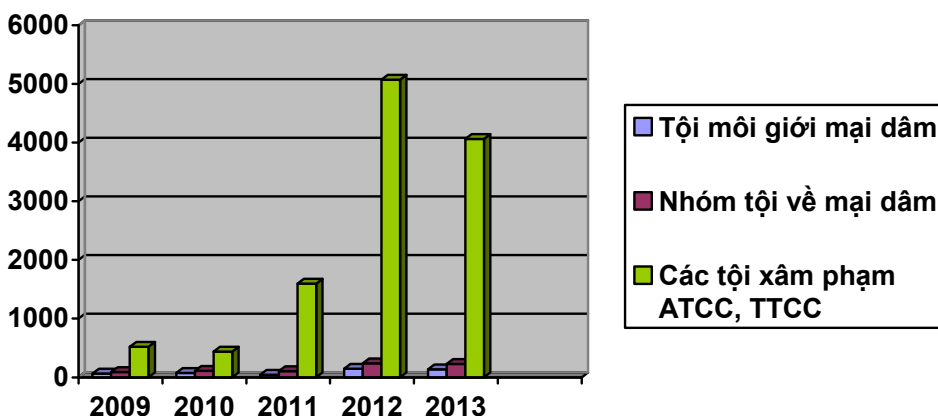
Năm	Tình hình xét xử tội phạm trên địa bàn Hà Nội							
	Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (1)		Nhóm tội phạm về mại dâm (2)		Tội môi giới mại dâm (3)		Tỷ lệ % (3/1)	Tỷ lệ % (3/2)
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2009	435	520	83	90	45	65	10,3	54,2
2010	396	440	94	112	51	75	12,9	54,3
2011	451	1.596	76	103	37	42	8,2	48,7
2012	1.407	5.072	197	237	126	145	9	64
2013	1.260	4.062	190	226	112	138	8,9	59
Tổng	3.949	11.690	640	768	371	465	9,4	58

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.



Biểu đồ 2.2: So sánh số vụ án xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với nhóm tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng và các tội phạm về mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.



Biểu đồ 2.3: So sánh số bị cáo xét xử sơ thẩm về phạm tội môi giới mại dâm so với nhóm tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng, trật tự công cộng và các tội phạm về mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Trong thời gian 05 năm (2009 - 2013), Tòa án nhân dân cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đưa ra xét xử 3.949 vụ án các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (54 tội), trong đó nhóm tội mại dâm (3 tội) là 640 vụ, tội môi giới mại dâm là 371 vụ. So sánh tội môi giới mại dâm với nhóm tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và nhóm tội phạm về mại dâm thì thấy rõ ràng tội môi giới mại dâm chiếm tỷ lệ lớn: chiếm 9,4% so với nhóm tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và 58% so với nhóm tội phạm về mại dâm.

Nguyên nhân của của tình trạng trên là do sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường trên địa bàn thành phố. Trong những năm qua với nền kinh tế thị trường nhiều thành phần kinh tế khác nhau đã làm cho tốc độ đô thị hóa rất nhanh, nhà hàng, khách sạn và nhiều loại hình kinh doanh dịch vụ trên địa bàn thành phố phát triển. Bên cạnh đó, do tác động mặt trái nền kinh tế thị trường đã khiến cho một số người lao động thiếu công ăn việc làm ổn định, nhất là phụ nữ, học sinh, sinh viên đã thôi học, họ ở lại thành phố để lao động kiếm sống. Trong đó không ít người đã đi vào con đường hoạt động mại dâm với nhiều lý do khác nhau. Lợi dụng điều đó, một số đối tượng do sa sút về mặt nhân cách đã tìm cách kiếm tiền trên thân thể người phụ nữ. Chúng lôi kéo, dụ dỗ, dẫn dắt thậm chí cưỡng ép người khác mại dâm. Từ đó khiến cho tệ nạn mại dâm nói chung cũng như tội phạm môi giới mại dâm nói riêng tồn tại và phát triển.

Ví dụ; Lê Thanh Luân là nhân viên khách sạn A25 - Asian số 12 Ngõ Sĩ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội từ ngày 24/7/2011. Khoảng 23 h ngày 10/8/2011, Đinh Công cùng với Lê Anh Tuấn và Lê Văn Vỹ rủ nhau đến khách sạn A25- Asian để mua dâm. Khi đến khách sạn, Tiến nhờ Luân gọi cho 3 gái bán dâm, Luân nói giá bán dâm là 1.500.000 đồng/ một người và cho Luân thêm 100.000 đồng tiền công gọi đối với mỗi gái bán dâm. Tiến đồng ý và thông báo cho Vỹ và Tuấn biết rồi đưa cho Luân

4.800.000 đồng. Luân nhận tiền sau đó bảo Tiến vào khách sạn thuê phòng chờ Luân gọi gái đến. Tiến thuê được 3 phòng 608, 610, 612 rồi thông báo cho Luân biết. Sau khi nhận tiền của Tiến, Luân gọi điện cho Đỗ Ánh Thảo thông báo có 3 khách có nhu cầu mua dâm với giá 1.500.000 đồng/ người/1 lần. Đỗ Ánh Thảo đồng ý và gọi điện cho bạn cùng học là Đào Thị Duyên và Đỗ Thị Bằng rủ đi bán dâm với giá 500.000 đồng/người/1lần. Duyên và Bằng đồng ý và cùng đến khách sạn A25- Asian với Thảo. Tại đây, Thảo gặp Luân thì Luân nói đã thu tiền của khách mua dâm là 4.500.000 đồng. Luân đòi đổi với mỗi gái bán dâm phải trả tiền công gọi cho Luân là 200.000 đồng/ người. Thảo đồng ý, nhưng Luân chỉ đưa cho Thảo 3.500.000 đồng còn giữ lại 400.000 đồng để khi nào xong việc thì trả nốt. Sau đó Thảo lên phòng 608 để bán dâm cho Tiến, Bằng lên phòng 610 để bán dâm cho Vỹ, Duyên lên phòng 612 để bán dâm cho Tuấn. Khoảng 00h5 phút ngày 11/8/2011 khi các đối tượng trên đang mua bán dâm thì bị Công an thành phố Hà Nội kiểm tra bắt quả tang.

Tại bản án số 580/2011/HSST ngày 8/12/2011 Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt Lê Thanh Luân 48 tháng tù, Đỗ Ánh Thảo 42 tháng tù về tội môi giới mại dâm theo điểm e khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Theo số liệu thấy được trong xu hướng tăng nhanh của số vụ phạm tội nói chung trên địa bàn thành phố Hà Nội, nhóm tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong đó có tội Môi giới mại dâm cũng ngày càng tăng theo. Trong cơ cấu tội phạm nói chung và cơ cấu của nhóm tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, nhóm tội phạm về mại dâm nói riêng, tội môi giới mại dâm vẫn chiếm tỷ lệ cao, giữ mức ổn định tương đối theo xu hướng ngày một tăng.

Giai đoạn 05 năm (2009- 2013) Tòa án nhân dân cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đã thụ lý và giải quyết 385 vụ với tổng số 484 bị cáo phạm tội môi giới mại dâm. Tỷ lệ số vụ án được đưa ra xét xử rất cao.

Trong năm năm không có vụ án nào bị đình chỉ xét xử. Số vụ án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung cũng chiếm tỷ lệ nhỏ, chỉ có 11 vụ/382 vụ, từ đó cũng phản ánh tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn Hà Nội.

Bảng 2.3: Tình hình giải quyết đối với tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)

Năm	Tổng số vụ án - bị cáo		Giải quyết					
	Vụ	Bị cáo	Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ		Trả hồ sơ cho Viện kiểm sát		Xét xử	
			Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2009	45	65	0	0	0	0	45	65
2010	51	75	0	0	0	0	51	75
2011	39	44	0	0	2	2	37	42
2012	131	150	0	0	5	5	126	145
2013	116	143	0	0	4	5	112	138
Tổng	382	477	0	0	11	12	371	465

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Bảng 2.4: Kết quả xét xử tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009- 2013)

Năm	Tổng số bị cáo	Hình phạt						
		Phạt tiền	Cải tạo KGG	Phạt tù cho hưởng án treo	Tù từ 3 năm trở xuống	Tù trên 3 năm đến 7 năm	Tù trên 7 năm đến 15 năm	Tù trên 15 năm
2009	65	0	0	0	25	38	2	0
2010	75	0	0	0	27	46	2	0
2011	42	0	0	0	23	18	1	0
2012	145	0	0	1	77	61	6	0
2013	138	6	0	2	54	68	8	0
Tổng	465	6	0	3	196	231	19	0

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

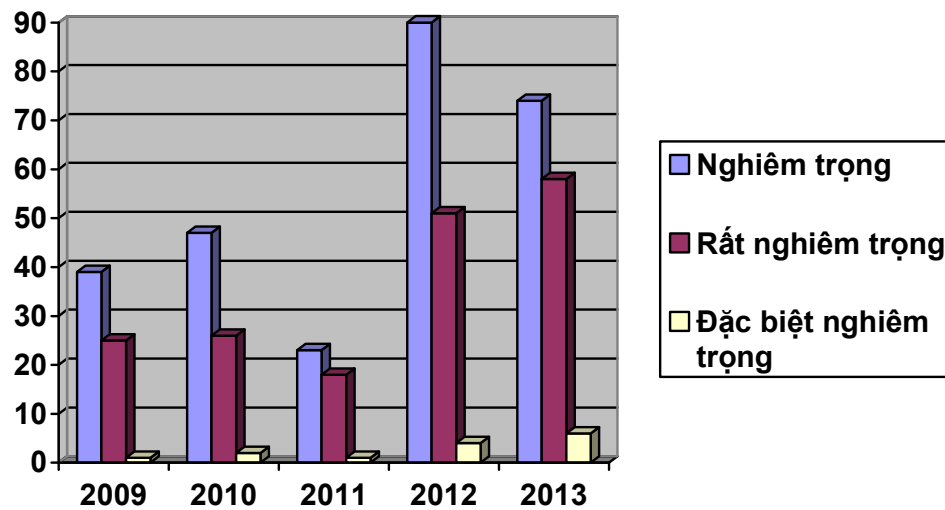
Trong thời gian 05 năm (2009 - 2013) Tòa án nhân dân cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đã xét xử 465 bị cáo phạm tội môi giới mại dâm, trong đó mức án chủ yếu là dưới 7 năm tù: số bị cáo bị xử phạt tù trên 3 năm đến dưới 7 năm là cao nhất: 231 bị cáo/465 bị cáo chiếm tỷ lệ: 49,7%, tiếp đó là số bị cáo bị xử phạt tù từ 3 năm trở xuống: 196 bị cáo chiếm tỷ lệ: 42,2%. Số bị cáo bị xử phạt tù trên 7 năm đến dưới 15 năm là 19 bị cáo, chiếm tỷ lệ 2,4%. Chỉ có 6 bị cáo bị xử phạt tiền, 3 bị cáo phạt tù nhưng được hưởng án treo, số bị cáo bị áp dụng hình phạt này chiếm tỷ lệ nhỏ. Bảng số liệu cho chúng ta thấy số bị cáo phạm tội môi giới mại dâm được đưa ra xét xử hàng năm có tỷ lệ cao. Qua các năm số bị cáo bị xử phạt tù dưới 7 năm cũng có sự thay đổi nhưng không đáng kể, đây vẫn là hình phạt chủ yếu đối với bị cáo phạm tội môi giới mại dâm.

Môi giới mại dâm là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt của người làm trung gian để các bên thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội của các đối tượng phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt và kín đáo vì thế công tác phát hiện, đấu tranh, xử lý đối với tội phạm này sẽ phức tạp và gặp nhiều khó khăn. Để thấy được tính chất, mức độ tội phạm môi giới mại dâm tại địa bàn thành phố Hà Nội, bảng số liệu dưới đây sẽ cho chúng ta cái nhìn tổng quát nhất.

***Bảng 2.5: Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội
của tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội
trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)***

Năm	Tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm						
	Tổng số bị cáo	Nghiêm trọng	Tỷ lệ%	Rất nghiêm trọng	Tỷ lệ%	Đặc biệt nghiêm trọng	Tỷ lệ%
2009	65	39	60	25	38,5	1	1,5
2010	75	47	62,7	26	34,7	2	2,7
2011	42	23	54,8	18	42,9	1	2,4
2012	145	90	62,1	51	35,2	4	2,8
2013	138	74	53,6	58	42	6	4,3
Tổng	465	273	58,7	178	38,3	14	3

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.



Biểu đồ 2.4: So sánh tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009 - 2013)

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Qua bảng số liệu ta có thể thấy tính chất, mức độ của tội môi giới mại dâm mà Tòa án nhân dân cấp quận, huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội đã xét xử trong thời gian 05 năm (2009- 2013). Tỷ lệ tội nghiêm trọng chiếm 58,7%, tội rất nghiêm trọng chiếm 38,3%, tội đặc biệt nghiêm trọng chiếm 3% trên tổng số vụ án môi giới mại dâm đã xét xử.

Trên đây là tình hình tội môi giới mại dâm đã được phát hiện và xử lý. Tuy nhiên, trên thực tế do nhiều lý do khác nhau mà tội phạm này không bị phát hiện và xử lý.

Tội môi giới mại dâm chưa bị phát hiện và xử lý được gọi là tội phạm ẩn. Đây là toàn bộ số tội phạm và số lượng người thực hiện các tội phạm thực tế đã xảy ra nhưng chưa bị phát hiện và xử lý về hình sự vì vậy cũng không có trong thống kê hình sự. Mỗi loại tội phạm có tỷ lệ ẩn khác nhau và ở mỗi giai đoạn tỷ lệ đó cũng khác nhau. Cũng như tội phạm nói chung, tội môi giới mại dâm trên địa bàn Hà Nội tồn tại các dạng tội phạm ẩn sau:

Dạng tội phạm ẩn tự nhiên do thiếu các nguồn tin của quần chúng nhân dân về tin báo, tố giác tội phạm và sự yếu kém trong quá trình phát hiện, điều tra truy tố, xét xử người phạm tội.

Dạng tội phạm ẩn nhân tạo xuất phát từ phía chủ thể tội phạm: Người phạm tội luôn che giấu hành vi phạm tội, mua chuộc các cơ quan bảo vệ pháp luật. Sự yếu kém trong quá trình phát hiện, điều tra truy tố, xét xử người phạm tội hay hành vi cố tình bao che các hành vi phạm tội. Thực hiện tội phạm bởi các hành vi phạm tội mới, tinh vi xảo quyệt, khả năng che giấu tội phạm cao.

Để khắc phục, tiến tới loại bỏ tình hình tội phạm ẩn, chúng ta cần tăng cường giám sát, kiểm tra, thống nhất các ngành liên quan để hạn chế thấp nhất việc bỏ lọt tội phạm, tuyên truyền nhân dân tích cực tham gia phòng chống tội phạm để hoạt động này thực sự mang lại hiệu quả.

Tiếp đến để đánh giá đầy đủ và đúng bản chất cũng như tình hình tội môi giới mại dâm trên địa bàn Hà Nội chúng ta cần hiểu rõ về nhân thân của người phạm tội.

Bảng 2.6: Tỷ lệ tái phạm tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009- 2013)

Năm	Tội phạm chung			Tội môi giới mại dâm		
	Số bị cáo xét xử(1)	Số bị cáo tái phạm (2)	Tỷ lệ%(2/1)	Số bị cáo xét xử (1)	Số bị cáo tái phạm (2)	Tỷ lệ%(2/1)
2009	4.016	201	5	65	2	3,1
2010	4.078	256	6,3	75	2	2,7
2011	4.450	350	7,9	42	4	9,5
2012	13.784	872	6,3	145	9	6,2
2013	12.507	864	6,9	138	9	6,5
Tổng	38.835	2.543	6,5	465	26	5,6

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

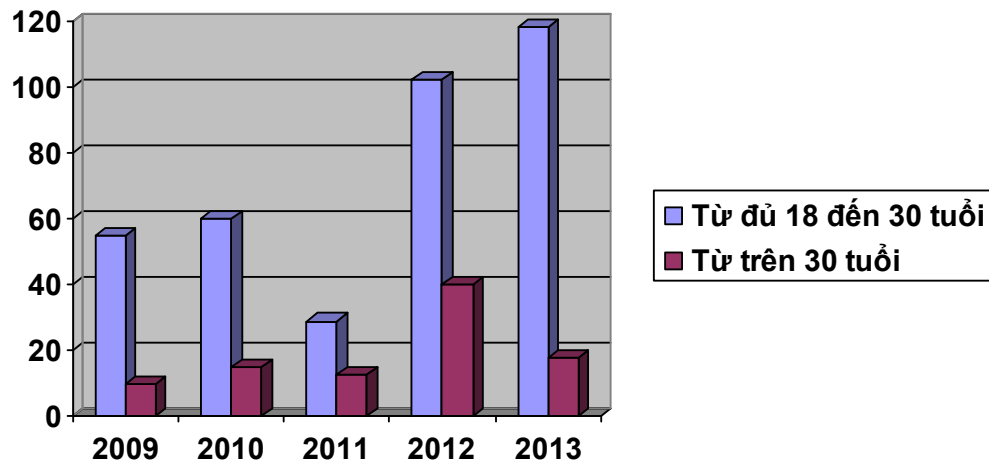
Qua bảng số liệu trên thấy được tỷ lệ tái phạm tội môi giới mại dâm chiếm tỷ lệ khá cao khoảng 5,6%. Điều đó thể hiện dù đã bị pháp luật trừng trị xong những kẻ phạm tội vẫn không chịu tiếp thu, sửa đổi lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Nhìn vào bảng số liệu ta thấy tình hình tội phạm chung tái phạm và tội môi giới mại dâm tái phạm có hướng tăng dần đều, năm sau cao hơn năm trước. Điều này đặt ra vấn đề cấp bách đối với thành phố Hà Nội đó là việc giải quyết việc làm, tạo cơ hội tái hòa nhập cộng đồng và sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương cũng như cộng đồng đối với những người chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống tại địa phương. Từ đó, hạn chế được phần nào tình trạng tái phạm của họ làm cho họ có cuộc sống ổn định để không quay lại con đường phạm tội.

Độ tuổi của người phạm tội cũng phản ánh một phần nguyên nhân dẫn họ đến con đường phạm tội. Qua bảng số liệu dưới đây, có thể nhận thấy tội phạm này có độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi là chủ yếu. Nghiên cứu nhân thân người phạm tội không thể không nói đến độ tuổi. Độ tuổi đánh dấu khả năng nhận thức được hành vi của họ khi thực hiện tội phạm, nhận thức được xã hội, hiểu biết cuộc sống cũng như có đủ tư cách chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình gây ra. Độ tuổi có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình phát triển của nhân thân và từ đó cũng ảnh hưởng tới tính chất, mức độ, đến việc thực hiện hành vi phạm tội.

Bảng 2.7: Độ tuổi của bị cáo phạm tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009- 2013)

Năm	Độ tuổi của bị cáo phạm tội môi giới mại dâm				
	Số bị cáo bị xét xử	Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi	Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi	Trên 30 tuổi
2009	65	0	0	55	10
2010	75	0	0	60	15
2011	42	0	0	29	13
2012	145	0	3	102	40
2013	138	0	2	118	18
Tổng	465	0	5	364	94

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.



Biểu đồ 2.5: So sánh độ tuổi của bị cáo phạm tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009- 2013)

Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Độ tuổi phạm tội môi giới mại dâm ngày càng được trẻ hóa, các đối tượng phạm tội chủ yếu là nữ, xuất thân từ nông thôn, ở độ tuổi này người phạm tội mới rời ghế nhà trường, lên thành phố, chưa có công việc ổn định, trong khi đó nhu cầu đời sống thời kỳ này của họ khá cao, các cám dỗ vật chất, lối sống tiêu cực đã tác động không nhỏ đến họ như không muốn lao động chỉ thích hưởng thụ thích ăn chơi từ đó sẽ dẫn đến những hành vi phạm tội và có nhiều thủ đoạn để trốn tránh pháp luật. Với những đối tượng nêu trên các cơ quan có thẩm quyền cùng phải có các biện pháp quản lý cụ thể, tạo điều kiện để họ có công việc ổn định để tránh xa con đường phạm tội.

Nguyên nhân phạm tội môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội

Nguyên nhân phạm tội là tổng hợp các yếu tố khách quan và chủ quan hình thành, xuất hiện và tồn tại tội phạm. Tội phạm là một hiện tượng tiêu cực nhất của xã hội luôn bị xã hội lên án. Tội phạm xuất hiện cùng với sự ra đời của xã hội, nhà nước và pháp luật. Bởi vậy, tội phạm mang tính chất xã hội. Để hiểu được nguyên nhân của tội phạm nói chung và tội phạm môi giới mại dâm nói riêng trên địa bàn thành phố Hà Nội, chúng ta phải căn cứ vào những

hiện tượng quá trình đang tồn tại ngay tại địa bàn thành phố Hà Nội đó là cơ chế chính sách của thành phố Hà Nội, nền kinh tế và những yếu tố mang tính chủ quan thuộc về chính bản thân người phạm tội.

- *Nguyên nhân kinh tế và xã hội*: trong những năm qua Hà Nội với tốc độ đô thị hóa mạnh, các dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, Hà Nội đã và đang xây dựng các công trình trọng điểm: làng đại học, khu dân cư đô thị mới, chung cư cao tầng, nhà hàng khách sạn...thêm vào đó đời sống nhân dân ngày càng đi lên, nhu cầu vui chơi giải trí cũng theo đó mà phát triển mạnh vì thế các nhà hàng khách sạn, các trung tâm giải trí, thư giãn có quy mô ngày càng lớn. Bên cạnh đó những tác động tiêu cực do mặt trái của nền kinh tế thị trường đã làm ảnh hưởng đến một bộ phận không nhỏ dân cư trên địa bàn như mất việc, thiếu công ăn việc làm ổn định...làm cho tình hình tội phạm mại dâm trên địa bàn Hà Nội gia tăng, diễn biến phức tạp, tội phạm chuyên nghiệp hơn, hình thức tội phạm đa dạng hơn và mức độ tội phạm ngày càng nghiêm trọng hơn.

- *Nguyên nhân về tổ chức quản lý*: Một trong những nguyên nhân không kém phần quan trọng làm thúc đẩy sự phát triển mạnh của tệ nạn mại dâm nói chung và tội phạm môi giới mại dâm nói riêng là công tác quản lý xã hội, quản lý con người của các cơ quan chức năng còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Đó là kẽ hở để các đối tượng còn lợi dụng để phạm tội mại dâm nhiều trên địa bàn.

Trước hết, nói tới quản lý xã hội cho thấy còn bộc lộ yếu kém, chưa đưa ra được hệ thống pháp luật đáp ứng với yêu cầu tình hình mới. Đặc biệt những văn bản pháp luật có tính pháp quy trong lĩnh vực phòng chống tệ nạn mại dâm còn chưa đầy đủ, chưa có hệ thống. Vì vậy vẫn chưa có chỗ dựa vững chắc cho các cơ quan chức năng thực hiện quản lý xã hội theo pháp luật...Về pháp lý, cơ quan công an quản lý nhà nước trên lĩnh vực an ninh trật tự, quản lý xã hội trên mọi lĩnh vực trật tự xã hội, có đấu tranh chống tệ nạn

mại dâm song chưa có hiệu quả pháp luật hoàn thiện về lĩnh vực chống tệ nạn mại dâm, vì vậy hiệu quả quản lý xã hội trên lĩnh vực này còn hạn chế.

Thứ hai, đó là vấn đề quản lý con người: Trên địa bàn Hà Nội có mật độ dân số đông, các đối tượng thường xuyên thay đổi, không ổn định. Chưa có biện pháp giải quyết triệt để đối với loại đối tượng nói trên. Cho nên lợi dụng tình trạng đó các đối tượng hoạt động mại dâm còn có điều kiện cư trú mà không bị phát hiện, đặc biệt các đối tượng hoạt động lưu động chưa bị phát hiện và quản lý được.

- *Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm* về tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn mại dâm và tội phạm môi giới mại dâm nói riêng của lực lượng công an nhân dân còn bộc lộ nhiều thiếu sót, chưa triệt để, đó là điều kiện để mại dâm tồn tại và phát triển.

- *Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật*, giáo dục cải tạo các đối tượng hoạt động tệ nạn ở các cơ sở làm chưa tốt.

- *Tái hòa nhập cộng đồng* cho các đối tượng tệ nạn xã hội ở cơ sở giáo dục lao động xã hội khi trở về cộng đồng chưa đạt hiệu quả cao...các đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội còn bị định kiến, mặc cảm, tự ti từ đó nảy sinh ý nghĩ "không còn gì để mất" và trở lại con đường cũ.

Qua số liệu thống kê ở trên và thực tiễn xét xử đối với tội phạm môi giới mại dâm thấy được tình hình, diễn biến của tội phạm môi giới mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian 05 năm (2009- 2013) hết sức phức tạp. Trong những năm qua việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm đã góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn các quy định này còn chưa được cụ thể và đầy đủ, nhận thức về tội phạm này có lúc có nơi còn chưa nhất quán, trong một số trường hợp các cơ quan pháp luật vẫn còn lúng túng. Từ đó dẫn đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm môi giới mại dâm chưa thực sự đạt hiệu quả cao.

2.2.3. Một số tồn tại, hạn chế trong thực tiễn xét xử tội môi giới mại dâm

Thực tiễn xét xử tội môi giới mại dâm thời gian qua cho thấy bên cạnh những mặt ưu việt, quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội phạm này đã bộc lộ những vướng mắc, bất cập trong quá trình áp dụng chưa tương thích và chưa bao quát hết các hành vi vi phạm pháp luật chuyên ngành, cần được hướng dẫn, hoàn thiện.

** Việc định tội danh đối với các hành vi liên quan đến mại dâm chưa được quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự*

Định tội danh là hoạt động thực tiễn của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để xác định một người đã phạm tội gì, theo điều luật nào của Bộ luật hình sự, hay nói cách khác đây là quá trình xác định tên tội cho hành vi nguy hiểm đã được thực hiện [38].

Định tội danh đúng có ý nghĩa quyết định trong vụ án hình sự, bởi vì nó là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật hình sự, người áp dụng sẽ quyết định một hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội đó. Vì thế định tội danh được xem là tiền đề, điều kiện cho việc quyết định hình phạt đúng đắn, góp phần mang lại hiệu quả trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Theo quy định tại Chương III "Xử lý vi phạm pháp luật về phòng chống mại dâm" trong Pháp lệnh về phòng, chống mại dâm năm 2003 thì các hành vi mua bán dâm đều bị xử phạt hành chính. Các hành vi sau đây phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự: người mua dâm hoặc người bán dâm biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền bệnh cho người khác, mua dâm người chưa thành niên, chứa mại dâm, môi giới mại dâm, mua bán phụ nữ, trẻ em để phục vụ vào mục đích mại dâm. Các hành vi bảo kê mại dâm, góp vốn để sử dụng góp vốn để sử dụng vào mục đích mại dâm, lợi dụng kinh doanh dịch vụ để

hoạt động mại dâm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong khi đó, Bộ luật hình sự năm 1999 mới chỉ đề cập đến ba hành vi là chứa mại dâm, môi giới mại dâm và mua dâm người chưa thành niên. Vậy những người thực hiện một số hành vi như: tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, bảo kê mại dâm, góp vốn để sử dụng vào mục đích mại dâm, lợi dụng kinh doanh dịch vụ để hoạt động mại dâm, mua bán phụ nữ, trẻ em để phục vụ vào mục đích mại dâm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gì và theo điều luật nào của Bộ luật hình sự.

Thực tiễn xét xử các tội phạm liên quan đến mại dâm thời gian qua cho thấy tùy từng trường hợp cụ thể, các cơ quan tiến hành tố tụng thường xác định người thực hiện một trong các hành vi nêu trên là người đồng phạm trong tội môi giới mại dâm hoặc tội chứa mại dâm. Việc xét xử hành vi tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức mại dâm, bảo kê mại dâm theo tội danh môi giới mại dâm hoặc tội chứa mại dâm đều không chuẩn xác về mặt lý luận và không phù hợp với thực tiễn.

Về mặt lý luận: Theo khoa học luật hình sự thì môi giới mại dâm là làm trung gian, dụ dỗ hoặc dẫn dắt để người khác mua bán dâm; còn theo Pháp lệnh phòng, chống mại dâm thì khái niệm về môi giới mại dâm là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt của người làm trung gian để các bên thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Như vậy, cả pháp luật hình sự và pháp luật chuyên ngành về phòng chống mại dâm đều thống nhất mô tả các hành vi môi giới mại dâm. Tuy nhiên, ngoài các hành vi trên Pháp lệnh phòng, chống mại dâm còn mô tả các hành vi khác liên quan đến mại dâm như:

- Tổ chức hoạt động mại dâm là hành vi bố trí, sắp xếp để thực hiện việc mua dâm, bán dâm.
- Cưỡng bức bán dâm là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn buộc người khác phải bán dâm.

- Bảo kê mại dâm là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín hoặc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm.

Với việc mô tả các hành vi liên quan đến mại dâm như trên cho thấy các hành vi: Tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, bảo kê mại dâm có những dấu hiệu pháp lý đặc trưng, không đồng nhất với khái niệm môi giới mại dâm hay chứa mại dâm.

Về thực tiễn: Thời gian qua, các cơ quan tiến hành tố tụng đã đưa ra truy tố, xét xử nhiều vụ án, trong đó có các bị cáo đầu vụ thường là những người có tên tuổi trong làng giải trí. Những bị cáo này thường lập ra đường dây "gái gọi" với quy mô lớn, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt gồm ba nhóm người như sau: Nhóm đầu tiên gồm gái mại dâm, thường là những cô gái ở quê được các "tú bà" nuôi trong các cửa hàng, quán karaoke, hiệu làm tóc trá hình, tham gia vào đội ngũ này còn có cả những cô gái sống và làm việc trên địa bàn, thậm chí có cả người mẫu, ca sĩ... Khi có khách mua dâm, "tú bà" sẽ điều gái mại dâm (có sẵn trong nhà mình hoặc điện thoại theo danh sách đã đăng ký) đến khách sạn hoặc địa điểm theo yêu cầu của khách mua dâm để thực hiện việc bán dâm. Nhóm thứ hai gồm những người làm nghiệp vụ tiếp thị, tìm khách mua dâm, thường là những nhân viên khách sạn, nhà hàng hoặc hướng dẫn viên du lịch. Khi có khách cần mua dâm thì báo cho "tú bà" biết về thời gian và địa điểm và yêu cầu của khách đối với đối tượng bán dâm. Nhóm thứ ba là những tên làm nhiệm vụ bảo kê, đưa đón, quản lý, bảo vệ gái mại dâm theo yêu cầu của "tú bà". Những tên này còn có cả nhiệm vụ giám sát, khống chế không để các cô gái bỏ trốn hoặc sẵn sàng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực buộc các cô gái phải bán dâm theo sự chỉ đạo của "tú bà".

Phân tích hành vi của "tú bà" và đồng bọn trong những vụ án trên thấy rằng hành vi này không đủ dấu hiệu cấu thành tội chứa mại dâm, hành vi của chúng cũng không đơn thuần chỉ làm dụ dỗ, dẫn dắt làm trung gian để kẻ mua người bán gặp nhau thực hiện việc mua, bán dâm mà là tổ chức hoạt động mại

dâm với đường dây khép kín từ việc chăn nuôi sẵn đội ngũ gái mại dâm đến việc bố trí, sắp xếp cho họ bán dâm. Trường hợp cần thiết chúng còn sử dụng cả vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác buộc các cô gái phải bán dâm theo yêu cầu của khách. Theo pháp lệnh phòng, chống mại dâm thì hành vi của "tú bà" và đồng bọn trong trường hợp này là hành vi tổ chức hoạt động mại dâm, tính chất và mức độ nguy hiểm cao hơn nhiều so với hành vi môi giới mại dâm. Do Bộ luật hình sự hiện hành không cơ cấu hành vi tổ chức hoạt động mại dâm thành tội độc lập nên hành vi của "tú bà" và đồng phạm chỉ có thể truy cứu về tội môi giới mại dâm với tình tiết định khung tăng nặng là "có tổ chức". Việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội môi giới mại dâm trong trường hợp này rõ ràng là chưa phản ánh đầy đủ các tình tiết khách quan của hành vi phạm tội, chưa đánh giá hết tính nghiêm trọng cho xã hội của hành vi, dẫn đến cá thể hóa hình phạt không nghiêm, làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm.

** Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người môi giới mại dâm trong trường hợp có hành vi cưỡng bức bán dâm*

Thực tiễn xét xử các vụ án về tội phạm liên quan đến mại dâm trong thời gian qua cho thấy người thực hiện hành vi môi giới mại dâm không đơn thuần chỉ là đưa đón, dẫn dắt gái mại dâm từ nhà hàng, quán trọ đến địa điểm bán dâm mà còn thực hiện hành vi cưỡng bức bán dâm. Thông thường ban đầu chúng gặp gỡ các cô gái bán dâm, dụ dỗ ngon ngọt, vẽ ra viễn cảnh tốt đẹp về thù lao cao, phòng nghỉ sạch sẽ... nhưng khi gặp khách mua dâm thì thực tế hoàn toàn khác, các cô không chấp nhận. Do đã mặc cả trước với khách nên khi bị các cô gái từ chối, kẻ môi giới sẵn sàng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác, buộc họ bán dâm. Thực tế trong xã hội hiện nay cho thấy những kẻ môi giới mại dâm hay có hành vi cưỡng bức đối với các cô gái nhất là những cô gái sa cơ, lỡ bước có hoàn cảnh éo le bắt họ phải bán dâm, đẩy họ vào con đường tội lỗi. Hành vi môi giới mại dâm trong trường hợp này

rõ ràng có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn hành vi môi giới mại dâm thông thường. Tuy nhiên, trong Điều 255 Bộ luật hình sự về tội môi giới mại dâm lại không quy định tình tiết định khung tăng nặng "cưỡng bức bán dâm". Đây là một trong những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng Điều 255 Bộ luật hình sự cần được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, hoàn thiện.

** Việc áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "Gây hậu quả nghiêm trọng khác" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999.*

Việc áp dụng tình tiết tăng nặng "Gây hậu quả nghiêm trọng khác" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999. Trong thực tiễn đã gặp khó khăn cho cơ quan và người áp dụng vì không phân biệt được hậu quả nghiêm trọng chính do hành vi phạm tội này gây ra là gì và hậu quả nghiêm trọng khác là như thế nào. Nghiên cứu Bộ luật hình sự năm 1999 cho thấy chỉ có những tội phạm có cấu thành vật chất mới quy định dấu hiệu hậu quả trong cấu thành cơ bản và chỉ những tội này mới quy định trong các khung tăng nặng về tình tiết hậu quả khác. Ví dụ: khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hành vi của người lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây thiệt hại từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng. Điểm d khoản 2 của Điều luật này quy định "Gây thiệt hại từ ba trăm triệu đồng đến dưới một tỷ đồng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác". Quy định cụ thể như vậy là rõ ràng, hậu quả nghiêm trọng khác ở đây được hiểu rằng là hậu quả phi vật chất. Tuy nhiên, đối với tội môi giới mại dâm là tội có cấu thành hình thức, trong cấu thành cơ bản chỉ mô tả hành vi khách quan của tội phạm, không đòi hỏi phải có dấu hiệu bắt buộc về hậu quả. Hậu quả nghiêm trọng do tội phạm này có thể gây ra phải là tất cả các loại hậu quả về vật chất, tinh thần hoặc hậu quả cho xã hội. Trong khoản 2 của điều luật này không có tình tiết nào quy định về hậu quả cụ thể. Do vậy, quy định của điểm g khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là không chính xác, cần bỏ chữ "khác" trong tình tiết này.

Trong thời gian 05 năm (2009- 2013), công tác xét xử về tội môi giới mại dâm đã có những tiến bộ đáng kể. Hầu hết các Tòa án đều đã dần nâng cao năng lực và chất lượng xét xử, việc đánh giá đúng các tình tiết của vụ án ngày càng chính xác, số lượng các bản án bị tuyên hủy, bị sửa giảm đáng kể, tỷ lệ các vụ án được xét xử càng được nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được vẫn còn một số hạn chế, tồn tại trong thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội môi giới mại dâm như đã nêu trên. Nguyên nhân cơ bản là do:

Mặc dù các quy định của pháp luật về tội môi giới mại dâm tuy ngày một hoàn thiện, nhưng vẫn chưa thực sự đầy đủ. Qua thực tiễn áp dụng và thi hành cho thấy vẫn cần tiếp tục phải hoàn thiện. Hiện nay, chưa có các văn bản giải thích các tình huống cụ thể có thể xảy ra trên thực tế... nên đã gây ra những khó khăn trong quá trình áp dụng luật.

Trình độ nhận thức của các quy định của pháp luật của cán bộ tư pháp nói chung, một số cán bộ trong các cơ quan Điều tra, Tòa án và Viện kiểm sát còn hạn chế. Một số Tòa án còn lúng túng trong việc giải quyết vụ án, còn chưa đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, thậm chí là bỏ sót các tình tiết của vụ án dẫn đến việc quyết định hình phạt chưa chính xác.

Ngoài những nguyên nhân khách quan đến từ phía những người tiến hành tố tụng như; trình độ đội ngũ Thẩm phán, đặc biệt là Hội thẩm nhân dân ở các Tòa án vẫn còn chưa đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn, việc tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ nhiều lúc vẫn chưa được quan tâm đúng mực... còn phải kể đến những nguyên nhân chủ quan nữa là sự cố ý làm trái các quy định của pháp luật do động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác, dẫn đến bỏ lọt tội phạm.

Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định của hệ thống pháp luật cũng như nâng cao trình độ, ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ xét xử là một yêu cầu cấp thiết cần sớm được triển khai thực hiện.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM

3.1. SỰ CẦN THIẾT HOÀN THIỆN NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM

Trong thời gian qua, rất nhiều những văn bản của Đảng và Nhà nước đã thể hiện chính sách chung trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự, bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản năm 2011 đã đề ra:

Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật, của từng cơ quan và chức danh tư pháp... [19].

Ngoài ra, Nghị quyết số 48- NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã xác định quan điểm chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật: "Hoàn thiện pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm... phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong việc phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm. Hoàn thiện chính sách hình sự, bảo đảm yêu cầu đề cao hiệu quả phòng ngừa..." (Mục 5).

Tội nạn mại dâm là một bộ phận của tệ nạn xã hội gây ra những hậu quả xấu, ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước nên Nhà nước "Kiên quyết

xoá bỏ tệ nạn mại dâm dưới bất kỳ hình thức nào" [8]. Mặc dù các tổ chức, cơ quan có chức năng đã tích cực đấu tranh phòng, chống tệ nạn mại dâm nhưng nhìn chung kết quả còn hạn chế bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó hệ thống pháp luật phòng ngừa tệ nạn mại dâm còn những bất cập là nguyên nhân quan trọng. Vì vậy, "tổ chức rà soát, đánh giá lại hệ thống pháp luật về phòng chống mại dâm, bao gồm các chế tài hình sự và hành chính, đề xuất biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp" [2] là vấn đề bức xúc cần thực hiện ngay.

Pháp luật là một trong những công cụ hữu hiệu nhằm đấu tranh phòng, chống tệ nạn mại dâm. Hiện nay, pháp luật nước ta chưa thể bao hàm được hết tính phức tạp, diễn biến thay đổi liên tục của tội phạm về mại dâm nói chung và tội môi giới mại dâm nói riêng. Vì vậy hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm môi giới mại dâm là điều cần thiết được đặt ra và được thể hiện trên *ba* phương diện dưới đây.

3.1.1. Về phương diện lý luận

Trải qua hơn 10 năm thi hành Bộ luật hình sự năm 1999, đòi hỏi sự cần thiết phải tiến hành rà soát và đánh giá, tổng kết để từ đó tạo bước đột phá trong việc thay đổi về tư duy về chính sách hình sự, về những vấn đề lý luận cho phù hợp với điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Ngoài ra, việc tổng kết này nhằm đánh giá một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự năm 1999, từ đó đề xuất, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự, góp phần đáp ứng yêu cầu mới của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm ổn định lâu dài, thúc đẩy phát triển đất nước.

Về phương diện lý luận, việc tiếp tục hoàn thiện những quy định về tội môi giới mại dâm có ý nghĩa quan trọng nhằm làm sáng tỏ chính sách phân hóa tội phạm và người phạm tội trong đường lối xử lý của Nhà nước ta.

Đặc biệt, việc hoàn thiện này còn góp phần cho các cơ quan tiến hành tố tụng có nhận thức thống nhất về tội môi giới mại dâm để từ đó nâng cao được hiệu quả áp dụng pháp luật.

3.1.2. Về phương diện thực tiễn

Bên cạnh phương diện lý luận, phương diện thực tiễn đòi hỏi Bộ luật hình sự phải thực sự trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu và vững chắc để đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Trên phương diện này, bên cạnh những kết quả đã đạt được trong thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về tội môi giới mại dâm, hiện nay vẫn còn một số hạn chế, tồn tại. Đó là việc các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi do người phạm tội thực hiện chưa đầy đủ và chính xác, thậm chí là bỏ sót các tình tiết của vụ án dẫn đến việc truy tố, xét xử, quyết định hình phạt chưa chính xác. Thực trạng về mặt thực tiễn này (đã phân tích tại mục 2.2.3. Chương 2) đòi hỏi phải kịp thời khắc phục để Bộ luật hình sự thực sự trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu và vững chắc để đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trong tình hình mới.

3.1.3. Về phương diện lập pháp

Phương diện lập pháp cũng cần được cụ thể hóa việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về tội môi giới mại dâm. Việc hoàn thiện này giúp cho các nhà làm luật thấy rõ được những kẽ hở của tội môi giới mại dâm để sửa đổi, bổ sung, hoặc loại trừ những quy định thiếu chính xác về mặt khoa học, không còn phù hợp với thực tiễn cũng như cập nhật những quan điểm mới, chính sách, đường lối mới trong giai đoạn mới của Nhà nước ta. Những đề xuất kiến nghị, sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự về tội phạm mại dâm đã góp phần đáp ứng yêu cầu mới của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm ổn định lâu dài, thúc đẩy phát triển đất nước.

3.2. HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM

3.2.1. Nhận xét chung

Mại dâm là tệ nạn xã hội trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, giống nòi, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trật tự an toàn xã hội, để lại hậu quả nghiêm trọng cho các thế hệ sau. Vì vậy, mọi hình thức thể hiện của tệ nạn này phải được ngăn ngừa, những người vi phạm phải bị nghiêm trị.

Trong những năm qua, các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm đã góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn hiện nay, các quy định còn chưa thật cụ thể và đầy đủ. Nhận thức về tội phạm này có nơi, có lúc còn chưa nhất quán. Trong một số trường hợp, các cơ quan bảo vệ pháp luật vẫn còn lúng túng, chưa có quan điểm thống nhất hoặc mắc phải những thiếu sót trong việc giải quyết các vụ án về tội môi giới mại dâm.

Một trong những biện pháp đấu tranh phòng, chống có hiệu quả loại tội phạm này là hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm, sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc để trừng trị và xử lý nghiêm những hành vi phạm tội nguy hiểm này.

3.2.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn xét xử tội môi giới mại dâm, để góp phần hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội phạm này, cho phép chúng tôi được đưa ra một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung, như sau:

Một là, hoàn thiện khái niệm tội môi giới mại dâm. Từ trước tới nay việc trừng trị tội môi giới mại dâm được Nhà nước ta rất chú trọng, nhưng đến nay vẫn chưa có một văn bản nào đưa ra khái niệm chính xác, thống nhất về tội môi giới mại dâm. Để xác định chính sách hình sự và yêu cầu của công

cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm này, việc đưa ra khái niệm tội môi giới mại dâm là rất cần thiết.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999, có thể hiểu: tội môi giới mại dâm là có hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm.

Theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh phòng, chống mại dâm số 10/2003/PLUBTVQH ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì: môi giới mại dâm là hành vi dụ dỗ hoặc dẫn dắt của người làm trung gian để các bên thực hiện việc mua dâm, bán dâm.

Do đó, để có sự thống nhất giữa Bộ luật hình sự và Pháp lệnh về phòng, chống mại dâm, chúng tôi cho rằng cần hoàn thiện khái niệm tội môi giới mại dâm như tại Điều 3 Pháp lệnh phòng, chống mại dâm số 10/2003/PLUBTVQH ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quy định.

Hai là, sửa đổi tình tiết định khung tăng nặng "gây hậu quả nghiêm trọng khác" thành "gây hậu quả nghiêm trọng". Có như thế mới đánh giá được toàn diện, đầy đủ các hậu quả do hành vi phạm tội môi giới mại dâm gây ra: thiệt hại về tài sản, thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và các thiệt hại phi vật chất.

Ba là, bổ sung tình tiết tăng nặng định khung "thu lợi bất chính lớn", "thu lợi bất chính rất lớn", "thu lợi bất chính đặc biệt lớn" vào tội môi giới mại dâm. Trong thực tiễn, khi xét xử những vụ án môi giới mại dâm có dấu hiệu "thu lợi bất chính lớn", "thu lợi bất chính rất lớn", "thu lợi bất chính đặc biệt lớn" các Tòa án thường rất lúng túng vì không biết phải áp dụng tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" hay không áp dụng tình tiết tăng nặng nào, vì tình tiết "thu lợi bất chính lớn", "thu lợi bất chính rất lớn", "thu lợi bất chính đặc biệt lớn" không phải là tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng". Ngoài ra, để không bỏ lọt các trường hợp phạm tội nguy hiểm này, cần bổ sung tình tiết tăng nặng định khung "thu lợi bất chính lớn", "thu lợi bất chính rất lớn", "thu lợi bất

chính đặc biệt lớn" vào tội môi giới mại dâm theo như hướng dẫn tại Tiêu mục 7.3 mục 7 phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC: "a. Thu lợi bất chính từ năm triệu đồng đến dưới mười lăm triệu đồng là lớn; b. Thu lợi bất chính từ mười lăm triệu đồng đến dưới bốn mươi lăm triệu đồng là rất lớn; c. Thu lợi bất chính từ bốn mươi lăm triệu đồng trở lên là đặc biệt lớn".

Bốn là, bổ sung thêm vào Bộ luật hình sự tội "tổ chức hoạt động mại dâm" vì:

Hành vi tổ chức hoạt động mại dâm như đã phân tích ở trên có dấu hiệu đặc trưng, không đồng nhất với các dấu hiệu về mặt khách quan của hai tội chứa mại dâm và môi giới mại dâm. Hành vi này được kết hợp từ nhiều hành vi liên quan đến mại dâm, trong một thể thống nhất, liên kết chặt chẽ với nhau, hành vi này tạo tiền đề cho hành vi khác và vì thế tính chất tính chất nguy hiểm cho xã hội cao hơn các hành vi chứa mại dâm và môi giới mại dâm. Thực tiễn diễn biến tội phạm thời gian qua cho thấy những tên cầm đầu tổ chức mại dâm không đơn thuần chỉ là dụ dỗ, dẫn dắt người mại dâm mà chúng tổ chức các đường dây gồm nhiều khâu, nhiều cầu từ việc tổ chức đội ngũ gái mại dâm, tổ chức mạng lưới vệ tinh để tiếp thị tìm khách mua dâm đến việc tổ chức đội ngũ bảo kê, đảm bảo an toàn cho hoạt động mại dâm. Thực tiễn xét xử cho thấy, nếu Bộ luật hình sự quy định "Tội tổ chức hoạt động mại dâm" thì các hành vi của "tú bà" và đồng bọn như đã đề cập ở trên được xét xử theo tội danh hoàn toàn hợp lý, bao quát đầy đủ các hành vi khách quan. Vì vậy, hành vi tổ chức hoạt động mại dâm cần được quy định thành tội độc lập với chế tài xử phạt nghiêm khắc hơn.

Năm là, nghiên cứu bổ sung thêm vào Bộ luật hình sự "tội cưỡng bức bán dâm" vì:

Hành vi của những tên tội phạm lúc đầu là dụ dỗ, dẫn dắt nhưng sau đó là cưỡng bức bán dâm không còn là môi giới mại dâm nữa. Bởi lẽ, môi

giới mại dâm là "hành vi làm trung gian cho các bên tiếp xúc, đàm phán và thiết lập các quan hệ để hưởng thù lao" [69]. Theo đó, người môi giới mại dâm cũng chỉ là người làm trung gian giữa người bán dâm và người mua dâm, tạo điều kiện để hai bên đạt được sự thỏa thuận việc mua bán dâm còn việc thực hiện việc mua bán dâm hay không hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của kẻ bán người mua.

Cũng cần lưu ý rằng: phạm vi chủ thể thực hiện hành vi cưỡng bức bán dâm không chỉ do người môi giới mại dâm thực hiện mà người khác cũng có thể thực hiện hành vi này, có thể là ông bà, bố mẹ, anh chị hay người thân của nạn nhân đã ép người phụ nữ phải bán dâm.

Như vậy, hành vi cưỡng bức bán dâm có những dấu hiệu đặc trưng, không đồng nhất với các dấu hiệu về mặt khách quan của tội môi giới mại dâm. Hành vi này chưa được quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự. Thực tiễn giải quyết các vụ án liên quan đến mại dâm thời gian qua cho thấy việc truy cứu trách nhiệm hình sự hành vi cưỡng bức bán dâm theo tội danh môi giới mại dâm là chưa phản ánh đầy đủ các tình tiết khách quan của hành vi phạm tội, chưa đánh giá hết tính nghiêm trọng cho xã hội của hành vi, dẫn đến cá thể hóa hình phạt không nghiêm, làm giảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, hành vi cưỡng bức bán dâm cần phải quy định thành một tội độc lập với chế tài xử phạt nghiêm khắc hơn tội môi giới mại dâm.

Sáu là, bổ sung thêm vào Bộ luật hình sự "*tội bảo kê hoạt động mại dâm*" vì: trên thực tế hiện nay, đã có những hành vi mà người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín hoặc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm.

Bảy là, bổ sung hình phạt cấm hành nghề hoặc làm những công việc nhất định vào tội môi giới mại dâm.

Theo báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình phối hợp liên ngành phòng chống tệ nạn mại dâm theo Quyết định 52/QĐ-TTg ngày

08/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ xác nhận: "đối tượng chủ chứa, môi giới là chủ các cơ sở kinh doanh dịch vụ chiếm 80%". Tỷ lệ này không thay đổi từ năm 2000 đến nay, chứng tỏ đối tượng lợi dụng ngành nghề kinh doanh dịch vụ để thực hiện tội phạm về mại dâm chiếm tỷ lệ cao, nhất là đối với tội môi giới mại dâm. Để ngăn chặn tình trạng này cần thiết phải quy định trong Luật hình sự hình phạt bổ sung cấm hành nghề hoặc làm những việc nhất định vào tội môi giới mại dâm.

Như vậy tội môi giới mại dâm theo Điều 255 Bộ luật hình sự nên được sửa đổi, bổ sung như sau:

Bảng 3.1: Một số đề xuất về sửa đổi, bổ sung Điều 255 Bộ luật hình sự

Bộ luật hình sự hiện hành	Bộ luật hình sự nên sửa đổi, bổ sung
Điều 255. Tội môi giới mại dâm. 1. Người nào dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm: a. Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; b. Có tổ chức; c. Có tính chất chuyên nghiệp; d. Phạm tội nhiều lần; đ. Tái phạm nguy hiểm; e. Đối với nhiều người; g. Gây hậu quả nghiêm trọng khác. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: a. Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; b. Gây hậu quả rất nghiêm trọng.	Điều 255. Tội môi giới mại dâm. 1. Người nào dụ dỗ hoặc dẫn dắt để các bên thực hiện việc mua dâm, bán dâm thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm: a. Đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; b. Có tổ chức; c. Có tính chất chuyên nghiệp; d. Phạm tội nhiều lần; đ. Tái phạm nguy hiểm; e. Đối với nhiều người; g. Gây hậu quả nghiêm trọng. h. Thu lợi bất chính lớn. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm: a. Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; b. Gây hậu quả rất nghiêm trọng. c. Thu lợi bất chính rất lớn.

4. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng.	4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm: a. Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. b. Thu lợi bất chính đặc biệt lớn. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm.
Chưa quy định	Điều 255a. Tội tổ chức hoạt động mại dâm. 1. Người nào bố trí, sắp xếp để thực hiện việc mua dâm, bán dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm. 2. ... 3. "
Chưa quy định	Điều 255b. Tội bảo kê hoạt động mại dâm 1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín hoặc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để bảo vệ, duy trì hoạt động mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm. 2. ... 3. ... 4. ... "
Chưa quy định	Điều 255c. Tội cưỡng bức bán dâm 1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn buộc người khác phải bán dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm. 2. ... 3. ... 4. ... "

Nguồn: Tác giả luận văn.

Trên đây là một số ý kiến góp phần hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự, để các quy định của Bộ luật hình sự khái quát hết được các dạng hành vi phạm tội liên quan đến hoạt động môi giới mại dâm, phù hợp với thực tiễn và tương thích với các quy định của pháp luật chuyên ngành, góp phần đấu tranh phòng chống có hiệu quả loại tội phạm này trong thời gian tới.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ luật HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI MÔI GIỚI MẠI DÂM

Để nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm, ngoài giải pháp hoàn thiện pháp luật đòi hỏi cần phải có các giải pháp tổng thể khác để phục vụ kịp thời cho thực tiễn xét xử.

3.3.1. Tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất áp dụng pháp luật

Trong những năm gần đây, tình trạng tội phạm về mại dâm xảy ra ngày càng phức tạp. Đảng và nhà nước ta cũng đã có nhiều chủ trương, biện pháp để ngăn chặn tình trạng trên, nhưng chưa đem lại kết quả như mong muốn. Việc xử lý hình sự đối với tội phạm này trong thời gian qua tuy đã góp phần đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này nhưng đem lại hiệu quả chưa cao; việc áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để xử lý các hành vi phạm tội mại dâm trong đó có tội môi giới mại dâm còn chưa thống nhất. Bộ luật hình sự 1999 không chỉ thể hiện một cách toàn diện chính sách hình sự của Đảng và nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay mà còn là công cụ sắc bén trong đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước, góp phần thực hiện công cuộc đổi mới đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội phạm mại dâm nói chung và tội môi giới mại dâm nói riêng còn nhiều điểm chưa được hướng dẫn và thực tiễn xét xử nhiều trường hợp phạm tội, các cơ quan tiến hành tố tụng đã gặp không ít khó khăn trong việc áp dụng Bộ luật

hành sự để truy cứu trách nhiệm hành sự đối với người phạm tội. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất áp dụng pháp luật đối với tội môi giới mại dâm là vấn đề cấp thiết, không chỉ có ý nghĩa về lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn rất to lớn.

Do đó, theo chúng tôi, có thể ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể, đó là:

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "gây hậu quả nghiêm trọng": là trường hợp hậu quả đó gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, như: Lôi kéo, mua chuộc, làm tha hóa nhiều cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước vào hoạt động môi giới mại dâm, hoặc để họ bao che, dung túng cho hoạt động phạm tội. Hoặc người phạm tội đã có hoạt động công khai, bị dư luận quần chúng nhân dân lên án; truyền bệnh cho người khác.

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "gây hậu quả rất nghiêm trọng": là trường hợp gây hậu quả có mức độ nguy hiểm, hậu quả gây ra đối với trật tự công cộng, lối sống đạo đức...lớn hơn nhiều, như: gây dư luận mạnh mẽ trong quần chúng nhân dân, lây truyền bệnh cho hàng chục người, lây nhiễm HIV/AIDS cho nhiều người, gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người mua - bán dâm...

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng": là trường hợp phạm tội gây hậu quả vượt quá mức bình thường nhiều lần, có thể dẫn đến những hậu quả tai hại, có tính chất và mức độ nguy hiểm đặc biệt lớn. Hậu quả mà hành vi môi giới mại dâm gây ra ảnh hưởng lớn tới trật tự xã hội, làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm với số lượng lớn, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của cán bộ, công chức hoặc uy tín của các cơ quan, tổ chức, làm xói mòn đạo đức, truyền thống, làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của con người.

+ Phạm tội môi giới mại dâm thuộc trường hợp "thu lợi bất chính lớn", "thu lợi bất chính rất lớn" và "thu lợi bất chính đặc biệt lớn" hướng dẫn

như tại Tiểu mục 7.3 mục 7 phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC: "a. Thu lợi bất chính từ năm triệu đồng đến dưới mười lăm triệu đồng là lớn; b. Thu lợi bất chính từ mười lăm triệu đồng đến dưới bốn mươi lăm triệu đồng là rất lớn; c. Thu lợi bất chính từ bốn mươi lăm triệu đồng trở lên là đặc biệt lớn".

3.3.2. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hình sự nói chung và các quy định về tội môi giới mại dâm nói riêng

Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là hoạt động giải thích, tuyên truyền rộng rãi đến các tầng lớp dân cư, mọi thành phần, lứa tuổi trong xã hội biết được, ý thức và tuân thủ thực hiện các quy định của pháp luật.

Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hình sự nói chung và quy định về tội phạm mại dâm nói riêng có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho công dân, thực hiện nguyên tắc phòng ngừa tội phạm, nhất là tội phạm về mại dâm trong đó có tội môi giới mại dâm, góp phần nâng cao nhận thức, ngăn chặn làm hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được cụ thể bằng các hình thức:

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ chính quyền thông qua Hội nghị tập huấn, Hội nghị chuyên đề phòng chống tội phạm, giao ban công tác ...

Tổ chức các buổi tuyên truyền miệng chuyên đề pháp luật phòng chống tội phạm mại dâm tại các trường phổ thông, trường dạy nghề...trong các buổi sinh hoạt của các tổ chức quần chúng.

Phối hợp với các cơ quan tư pháp, cơ quan Báo, Đài truyền hình để tuyên truyền pháp luật phòng, chống tội phạm mại dâm bằng cách: viết bài cho chuyên mục giải thích pháp luật, các gương người tốt việc tốt về phòng

chống tội phạm, đưa tin kết quả điều tra, xét xử về các vụ án trọng điểm đối với tội phạm mại dâm.

Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động xét xử của Tòa án: xét xử lưu động, xét xử các vụ án trọng điểm. Phải nói rằng, phần nhiều tội phạm về môi giới mại dâm liên quan đến các tệ nạn phổ biến ở nước ta. Vì vậy, việc đưa các vụ án liên quan đến tệ nạn xã hội nói chung và tội môi giới mại dâm nói riêng sẽ có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm và động viên nhân dân vào phong trào toàn dân tham gia phòng chống tệ nạn xã hội ở nước ta.

Đối tượng tuyên truyền, giáo dục pháp luật của Tòa án trước hết là những người tham gia tố tụng và sau đó mới đến các công dân khác. Đặc biệt hiện nay nhiều công dân có hiểu biết hạn chế về tính trái pháp luật hình sự của hành vi môi giới mại dâm...Nhiều trường hợp chỉ thông qua việc xét xử của Tòa án công dân mới nhận thức được điều này.

Giáo dục pháp luật thông qua phiên tòa. Việc xét xử của Tòa án được tiến hành công khai, mọi công dân từ 16 tuổi trở lên đều có quyền tham dự. Bằng cách giải thích quyền và nghĩa vụ cho những người tham gia tố tụng, bằng cách xét hỏi tại phiên tòa, bằng tranh luận của các bên tham gia tố tụng và đặc biệt là bằng bản án được tuyên công khai tại phòng xử án... Tòa án thực hiện việc tuyên truyền giáo dục pháp luật cho công dân, cả người tham gia tố tụng và người tham dự phiên tòa. Thông qua phiên tòa, công dân được biết quyền và nghĩa vụ của mình, hành vi nào bị cấm, hậu quả của việc thực hiện hành vi phạm tội ra sao... để từ đó tự điều chỉnh các xử sự của mình cho phù hợp pháp luật, tránh vi phạm pháp luật và phạm tội.

Thông qua việc xét hỏi tại phiên tòa, thông qua việc tuyên án trong xét xử các vụ án về tội môi giới mại dâm người tham gia tố tụng cũng như người tham dự phiên tòa nhận thức rõ hơn hành vi nào là trái pháp luật, là nguy hiểm và quy định của pháp luật xử lý các hành vi đó như thế nào để lấy đó làm bài học cho bản thân và cảnh báo với người thân...

Một hình thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật đặc trưng của Tòa án nữa là tạo điều kiện cho công dân, tổ chức tham gia hoạt động xét xử để nâng cao ý thức pháp luật và trách nhiệm của họ trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Điều này đã trở thành một nguyên tắc trong tổ tụng hình sự nước ta và được quy định tại Điều 8 Bộ luật tố tụng hình sự:

Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Hội nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ, các tổ chức xã hội khác và công dân đều có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng hình sự theo quy định của Bộ luật này, góp phần đấu tranh và phòng ngừa tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân [47].

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức xã hội và công đoàn tham gia tố tụng hình sự...

3.3.3. Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và ý thức pháp luật, trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm

Trước thực trạng tình hình tội phạm về mại dâm vẫn diễn biến phức tạp thì việc "Tăng cường năng lực, trình độ chuyên môn và ý thức pháp luật, trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm" là một trong những giải pháp quan trọng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam nói chung và về tội môi giới mại dâm nói riêng.

Để tăng cường năng lực, trình độ chuyên môn và ý thức pháp luật của đội ngũ thẩm phán, hội thẩm nhân dân trước hết cần nhấn mạnh về công tác đào tạo, đào tạo lại, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ chính trị cho thẩm phán, hội thẩm nhân dân phải được tiến hành thường xuyên, trong đó chú trọng việc tập huấn các văn bản pháp luật mới, kỹ năng xét xử các vụ án thuộc thẩm quyền mới, rút kinh nghiệm về công tác xét xử và tập huấn các kiến thức liên quan tới công tác xét xử các vụ án hình sự và đặc biệt chú ý tới một số loại tội phạm gây bức xúc trong tình hình hiện nay, trong đó có các vụ án về môi giới mại dâm.

Ngoài ra việc lựa chọn, bổ nhiệm và bầu những người đúng tiêu chuẩn quy định, Tòa án các cấp cần tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu cho thẩm phán, hội thẩm nhân dân về xét xử tội phạm môi giới mại dâm.

Việc giao cho ai xét xử các vụ án trên cũng là vấn đề cần được quan tâm. Trong những vụ án về tội môi giới mại dâm, người phạm tội, người bị hại đa phần là phụ nữ, nhiều trường hợp là trẻ em gái, vì vậy nên chẳng trong hội đồng xét xử phải có thành viên là phụ nữ để thuận lợi hơn trong việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như có cái nhìn phù hợp hơn trong xử lý tội phạm.

Bảo đảm áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật đối với tội phạm môi giới mại dâm, Tòa án nhân dân tối cao nên ban hành hoặc phối hợp với các cơ quan pháp luật khác kịp thời ra các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về tội môi giới mại dâm.

Tăng cường giám đốc của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới trong việc xét xử tội phạm môi giới mại dâm cũng là biện pháp hữu hiệu nhằm đảm bảo cho hoạt động xét xử của Thẩm phán, hội thẩm nhân dân đúng đắn, có hiệu quả.

3.2.4. Giải pháp tăng cường sự hợp tác quốc tế và trao đổi về kinh nghiệm lập pháp hình sự về tội môi giới mại dâm

Trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế thì hợp tác với các nước trên thế giới về lĩnh vực tư pháp là rất cần thiết.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, tình hình tội phạm trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng có nhiều diễn biến phức tạp. Các loại tội phạm hoạt động ngày càng mạnh động, liêu lĩnh, tinh vi và xuất hiện các băng nhóm hoạt động có tổ chức với sự móc nối chặt chẽ giữa các đối tượng trong và ngoài nước, phương thức thủ đoạn tinh vi, gây thiệt hại cho các cá nhân, tổ chức cả ở trong và ngoài nước, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và gây nhiều khó khăn cho cơ quan thực thi pháp luật. Do đó, việc tăng cường sự hợp tác quốc tế và trao đổi về kinh nghiệm lập

pháp hình sự nói chung và các quy định của tội môi giới mại dâm nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới là một yêu cầu tất yếu.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, tham khảo, học hỏi, chúng ta phải tham khảo pháp luật hình sự của các nước có kinh nghiệm lập pháp, các nước trong khu vực. Tuy nhiên, việc tham khảo để sửa đổi bổ sung không được áp dụng máy móc, dập khuôn mà phải có những sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn xét xử và đồng bộ với các văn bản và đạo luật khác liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Tăng cường sự hợp tác quốc tế và trao đổi về kinh nghiệm lập pháp hình sự cần phải tiến hành đồng bộ công tác sau:

Để mở rộng quan hệ với các nước trước hết chúng ta phải tìm hiểu pháp luật hình sự hiện hành của nước họ. Vì vậy các cơ quan có thẩm quyền cần tiếp tục cho dịch và in Bộ luật hình sự và Tổ tụng hình sự của các nước, đặc biệt là các nước có kinh nghiệm lập pháp phát triển và các nước có quan hệ truyền thống với nước ta.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, cần cử các đoàn cán bộ đi nghiên cứu, học tập và trao đổi kinh nghiệm lập pháp hình sự nói chung và tội môi giới mại dâm nói riêng, của các nước tiên tiến. Ngoài ra còn tham khảo các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong thực tiễn của các nước, tham khảo những giá trị lập pháp tiên bộ, kỹ thuật xây dựng các quy phạm của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới...

Nghiên cứu tội phạm về mại dâm và tội môi giới mại dâm trong pháp luật hình sự của các nước có điểm tương đồng với nước ta để tiếp tục sửa đổi, bổ sung cho hoàn thiện hơn các quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam, bảo đảm yêu cầu về mặt lập pháp, lý luận và thực tế.

KẾT LUẬN

Tóm lại, qua nghiên cứu đề tài: "*Tội môi giới mại dâm trong luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn thành phố Hà Nội)*" chúng tôi đã rút ra một số kết luận chung sau đây:

Thứ nhất, việc phân tích khái niệm, các dấu hiệu pháp lý và các quy định về hình phạt của luật hình sự Việt Nam đối với tội môi giới mại dâm cho phép chúng ta nhận thức rõ ràng, đầy đủ hơn về các đặc điểm và bản chất pháp lý của tội môi giới mại dâm, về tính nguy hiểm và yêu cầu phải trừng trị nghiêm khắc đối với tội môi giới mại dâm cũng như đấu tranh phòng chống đối với tội phạm này.

Thứ hai, nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển về tội môi giới mại dâm cho thấy, vấn đề môi giới mại dâm ở nước ta cũng đã được đề cập ở các mức độ khác nhau nhưng còn rời rạc và dàn trải, chỉ đến gia đoạn thời kỳ mới- pháp điển hóa lần thứ nhất với việc thông qua Bộ luật hình sự năm 1985, thì tội môi giới mại dâm mới được nhà làm luật ghi nhận chính thức và ngày càng được cụ thể và hoàn thiện hơn trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành.

Thứ ba, việc trích dẫn, đối chiếu, so sánh với pháp luật hình sự của một số quốc gia trên thế giới về tội môi giới mại dâm cho phép chúng ta thấy được sự khác và giống nhau giữa luật hình sự Việt Nam với luật hình sự một số nước, đặc biệt là chính sách hình sự xử lý nghiêm khắc của Nhà nước ta đối với tệ nạn xã hội trong đó có tội môi giới mại dâm nói riêng.

Thứ tư, trên cơ sở phân tích thực tiễn xét xử tội môi giới mại dâm thông qua việc thu thập số liệu thụ lý, giải quyết các vụ án, đánh giá các bản án của Tòa án, luận văn đã chỉ ra một số tồn tại, hạn chế trong thực tiễn xét xử tội môi giới mại dâm cũng như các yêu cầu cấp thiết của việc hướng dẫn xử lý, sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự liên quan đến tội môi giới mại dâm; đồng thời mạnh dạn đưa ra những kiến nghị, đề xuất, hoàn thiện và các giải

pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về tội môi giới mại dâm.

Thứ năm, quá trình nghiên cứu cho thấy đấu tranh phòng, chống tội phạm về mại dâm nói chung và tội phạm môi giới mại dâm nói riêng trên địa bàn thành phố Hà Nội là một công việc hết sức quan trọng, cần thiết nhưng lâu dài và hết sức phức tạp. Cuộc đấu tranh này phải được đặt trong mối quan hệ với công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung của Hà Nội cũng như của cả nước. Tuy nhiên, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm môi giới mại dâm trong thời gian qua chưa có hiệu quả cao. Đấu tranh phòng chống tội phạm môi giới mại dâm chưa phát huy được trong toàn bộ nhân dân cũng như sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng. Hệ thống pháp luật của chúng ta chưa đồng bộ, nhận thức về tội phạm này có lúc có nơi còn chưa nhất quán. Trong một số trường hợp các cơ quan pháp luật vẫn còn lúng túng. Một trong những biện pháp đấu tranh phòng chống có hiệu quả loại tội phạm này là hoàn thiện pháp luật và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội môi giới mại dâm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Văn Bích (1996), *Đổi mới, hoàn thiện pháp luật trong phòng, chống văn hóa độc hại và tệ nạn xã hội ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
2. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2010), *Báo cáo số 04/BC-PCTNXH ngày 18/01/2010 về kết quả công tác cai nghiện, phục hồi và phòng chống tệ nạn mại dâm năm 2009 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2010*, Hà Nội.
3. Lê Cẩm (Chủ biên) (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Lê Văn Cẩm (Chủ biên) (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Trần Đức Châm (2007), *Phòng, chống tệ nạn xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) (2014), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Chính phủ (1950), *Sắc lệnh 154/SL ngày 17/11 của Chủ tịch nước Việt Nam*.
8. Chính phủ (1993), *Nghị quyết số 05/CP ngày 29/1/1993 về ngăn chặn và chống tệ nạn mại dâm*, Hà Nội.
9. Chính phủ (1993), *Nghị định số 49/CP ngày 15/8/1996 quy định về xử phạt hành chính đối với các hành vi mại dâm*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2004), *Nghị định số 178/2004/NĐ-CP quy định chi tiết về Pháp lệnh phòng chống mại dâm*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2006), *Quyết định số 52/2006/QĐ-TTg ngày 08/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phối hợp liên ngành phòng, chống tệ nạn mại dâm giai đoạn 2006-2010*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2006), *Quyết định số 151/2000/QĐ-TTg ngày 28/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hành động phòng chống tệ nạn mại dâm giai đoạn 2001-2005*, Hà Nội.

13. Chính phủ (2007), *Quyết định số 50/2007/QĐ-TTg ngày 12/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban quốc gia phòng, chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm*, Hà Nội.
14. Chính phủ (2011), *Quyết định số 679/2011/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động, chống mại dâm giai đoạn 2011- 2015*, Hà Nội.
15. Chính phủ (2011), *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP ngày 16/9/2011 quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng với người chấp hành xong hình phạt tù*, Hà Nội.
16. Chính phủ (2011), *Chỉ thị số 22/CT-TT ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp phòng chống mại dâm trong tình trạng hiện nay*, Hà Nội.
17. Cục phòng, chống tệ nạn xã hội - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2013), *Báo cáo thống kê về tệ nạn xã hội năm 2013*, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Nguyễn Thùy Giang (2008), *Vấn đề mại dâm và cái nhìn của sinh viên công tác xã hội*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Đinh Bích Hà (2007), *Bộ luật hình sự của Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
22. Trần Thị Hiền (2011), *Bộ luật hình sự Nhật Bản*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
23. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (1997), *Luật hình sự Việt Nam- Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
24. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (2001), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

25. Nguyễn Ngọc Hòa (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội. (Tái bản).
26. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
27. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
28. Nguyễn Thị Thanh Hòa (2012), *Tội mua dâm người chưa thành niên trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
29. Hội đồng Chính phủ (1964), *Nghị quyết số 129/CP ngày 08/8/1964 về công tác bảo vệ trật tự an ninh*, Hà Nội.
30. Hội đồng bộ trưởng (1989), *Chỉ thị số 135/HĐBT ngày 14/5/1989 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về giải quyết vấn đề xã hội trong tình hình mới*, Hà Nội.
31. Trần Minh Hường (Chủ biên) (2013), *Hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam*, (tập I), Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
32. Trần Minh Hường (Chủ biên) (2014), *Hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam*, (tập II), Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
33. Liên hợp quốc (1949), *Công ước về trấn áp tội phạm buôn người và bóc lột mại dâm người khác*.
34. Liên hợp quốc (1989), *Công ước quốc tế về quyền trẻ em*.
35. Liên hợp quốc (2000), *Công ước quốc tế về đấu tranh chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia*.
36. Liên hợp quốc (2001), *Nghị định thư chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em*.
37. C. Mác - Ph. Ăngghen (1984), *Tuyển tập*, tập 6, Nxb Sự thật, Hà Nội.
38. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

39. Trần Đình Nhã (1994), *Tệ nạn xã hội, chính sách xã hội, những vấn đề pháp lý- khoa học xã hội*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Hà Nội.
40. Nguyễn Niên (Chủ biên) (1986), *Những vấn đề lý luận và cơ bản về tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Phạm Duy Quang (1997), *Các tội phạm về mại dâm và đấu tranh phòng chống các tội phạm về mại dâm tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
42. Đỗ Ngọc Quang, Trịnh Quốc Toàn, Nguyễn Ngọc Hòa (1997), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
43. Đinh Văn Quế (2000), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần chung)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
44. Đinh Văn Quế (2000), *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đinh Văn Quế (2010), *Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.
46. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
47. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
48. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
49. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Tòa án nhân dân quận Đống Đa (2011), *Bản án số 580/2011/HSST ngày 08/12/2011*, Hà Nội.
51. Tòa án nhân dân quận Đống Đa (2013), *Bản án số 233/2013/HSST ngày 14/5/2013*, Hà Nội.
52. Tòa án nhân dân quận Đống Đa (2013), *Bản án số 605/2013/HSST ngày 15/11/2013*, Hà Nội.
53. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2009 - 2013), *Thống kê số liệu thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm từ năm 2009 đến năm 2013*, Hà Nội.

54. Tòa án nhân dân tối cao (1976), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập 1, Hà Nội.
55. Tòa án nhân dân tối cao (1979), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập 2, Hà Nội.
56. Tòa án nhân dân tối cao (1993), *Chỉ thị số 136/NCPL ngày 11/3/1993 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về phòng, chống và kiểm soát ma túy, về ngăn chặn và chống tệ nạn mại dâm*, Hà Nội.
57. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ*, Hà Nội.
58. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
59. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
60. Tòa án nhân dân tối cao (2003-2013), *Thống kê tình hình xét xử của ngành Tòa án nhân dân từ năm 2003 đến 2013*, Hà Nội.
61. Tòa án nhân dân tối cao (2003-2013), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án nhân dân từ năm 2003 đến 2013*, Hà Nội.
62. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp (2001), *Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV Bộ luật Hình sự 1999 về "các tội xâm phạm sở hữu"*, Hà Nội.
63. Tổng cục cảnh sát nhân dân - Bộ Nội vụ (1994), *Tệ nạn xã hội ở Việt Nam - thực trạng nguyên nhân và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học, mã số KH.04-14, Hà Nội.
64. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2013), *Niên giám thống kê năm 2013*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

65. Trường Đại học Luật Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
66. Đào Trí Úc (Chủ biên) (1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
67. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2003), *Pháp lệnh phòng, chống mại dâm*, Hà Nội.
68. Viện Khoa học kiểm sát (2002) *Luật phòng chống mại dâm Nhật Bản năm 1956, sửa đổi năm 2004*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
69. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
70. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
71. Trịnh Tiến Việt (2012), *Hoàn thiện các quy định của Phần chung Bộ luật hình sự trước yêu cầu đổi mới của đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
74. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
75. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.